

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết 06/NQ-HĐT ngày 18/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại, Nghị quyết số 60/NQ-HĐT ngày 11/10/2022 của Hội đồng Trường Trường Đại học Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-ĐHTM ngày 31/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế trình độ đại học;

Căn cứ kết luận tại Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 27/10/2023 về việc thẩm định Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Marketing, ngành Luật kinh tế và ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế) (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo)
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

-----o0o-----

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA

*(Kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-ĐHTM ngày 08 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Chương trình đào tạo: Luật kinh tế (Economic Law)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật kinh tế

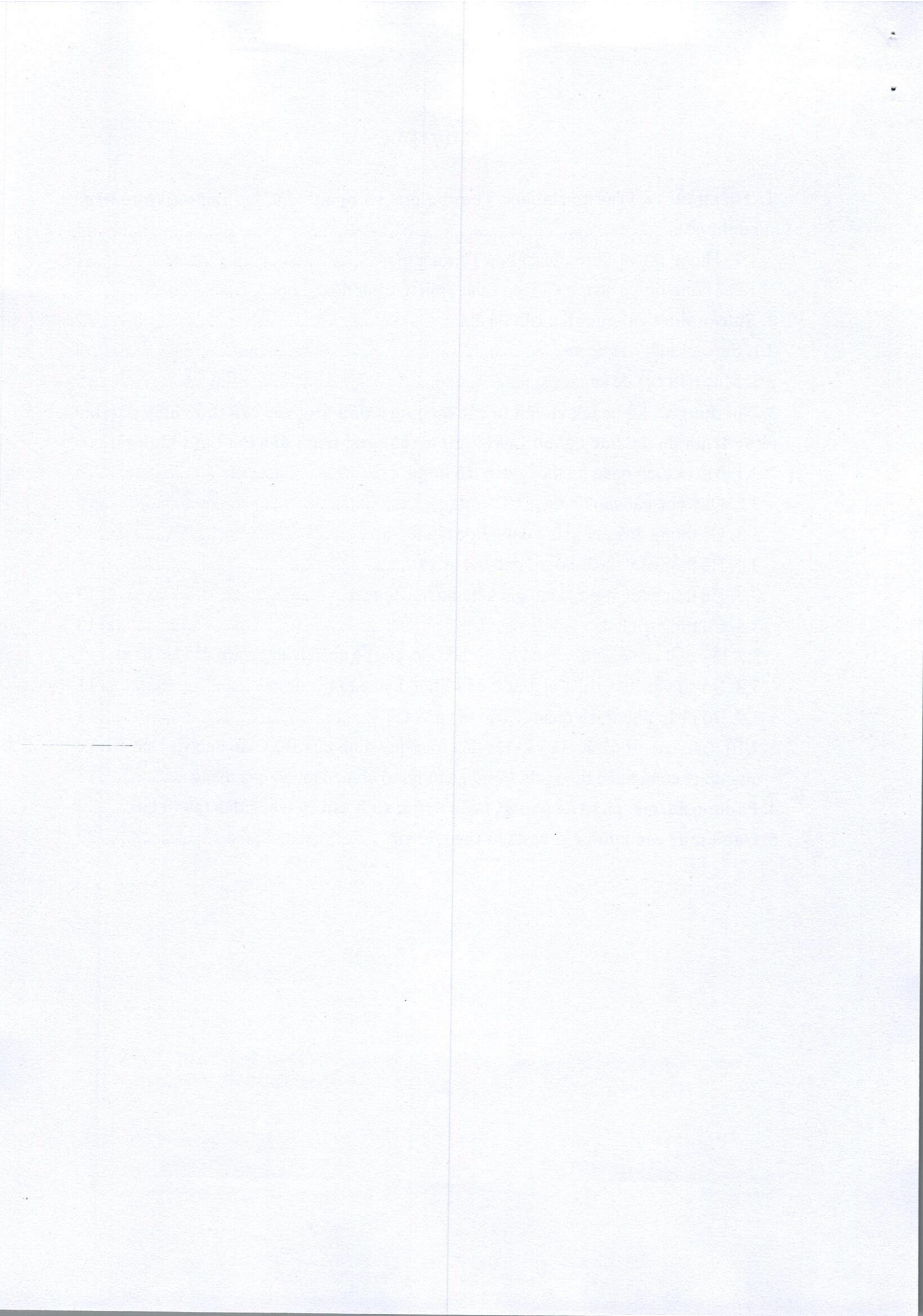
Mã ngành: 7380107

Hà Nội, 11/2023



MỤC LỤC

1. Thông tin về Trường Đại học Thương mại và ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học	1
1.1. Thông tin về Trường Đại học Thương mại	1
1.2. Thông tin về ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học.....	2
2. Sự cần thiết và mục tiêu của đề án.....	2
2.1. Sự cần thiết của đề án	2
2.2. Mục tiêu của đề án.....	5
3. Nội dung và kế hoạch chuẩn bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu thực hiện đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế)....	6
3.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa	6
3.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường	6
3.3. Hệ thống quản lý giảng dạy - học tập từ xa.....	8
3.4. Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ đào tạo từ xa	8
3.5. Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	10
3.6. Chương trình đào tạo từ xa.....	10
3.7. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện đào tạo từ xa ..	11
3.8. Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và học liệu đào tạo từ xa	11
3.9. Bộ phận phụ trách quản lý đào tạo từ xa	16
3.10. Báo cáo tự đánh giá về việc đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng	18
4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong đào tạo từ xa.....	20
5. Danh mục các minh chứng kèm theo đề án	20



1. Thông tin về Trường Đại học Thương mại và ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học

1.1. Thông tin về Trường Đại học Thương mại

- Tên trường:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Thương mại

Tên tiếng Anh: Thuongmai University (TMU)

- Mã trường: TMU

- Trụ sở: Số 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (024) 37643219

- Fax: (024) 37643228

- Email: mail@tmu.edu.vn

- Địa chỉ cổng thông tin của Trường: <https://tmu.edu.vn>

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam được thành lập năm 1960 với tên gọi ban đầu là Trường Thương nghiệp Trung ương. Năm 1979, Trường được đổi tên là Trường Đại học Thương nghiệp và trực thuộc Bộ Nội thương (nay là Bộ Công thương). Từ năm 1984, Trường được chuyển về trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 1994, Trường đổi tên thành Trường Đại học Thương mại.

Trường Đại học Thương mại là trường đại học chất lượng cao đa ngành, đa lĩnh vực và hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo.

Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo đại học và sau đại học (gồm đào tạo cao học, đào tạo tiến sĩ) của nhiều ngành và chuyên ngành khác nhau. Tính đến thời điểm tháng 6/2023, Trường có đào tạo 18 ngành đào tạo trình độ đại học, 6 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo cung cấp cho xã hội hàng chục nghìn cử nhân kinh tế, hàng nghìn thạc sĩ, tiến sĩ kinh tế; bồi dưỡng nhiều cán bộ quản lý kinh tế cho ngành thương mại và các ngành khác, đã trực tiếp thực hiện và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và hàng chục hợp đồng nghiên cứu với các cơ quan, doanh nghiệp được Nhà nước, xã hội và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá ngày càng cao.

Hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Trường Đại học Thương mại đã đạt được nhiều danh hiệu cao quý như:

- Đơn vị Anh hùng Lao động (2010);
- Huân chương Độc lập hạng nhất (2014);
- Huân chương Độc lập hạng Nhì (2008);

- Huân chương Độc lập hạng Ba (2000);
- Huân chương Lao động hạng Nhất (1995);
- Huân chương Lao động hạng Nhất (1984);
- Huân chương Lao động hạng Ba (1980);
- Huân chương Chiến công hạng Ba (1972);
- Huân chương Hữu nghị Hạng nhì của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (1999).

1.2. Thông tin về ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học

Trường Đại học Thương mại được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép theo Quyết định số 6265/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Thương mại đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy ngành Luật kinh tế;

Ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học của Trường bao gồm nhiều chuyên ngành và chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó CTĐT Luật kinh tế đã được Trường tuyển sinh 12 khóa liên tục theo hình thức chính quy.

Ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học, CTĐT Luật kinh tế đào tạo theo hình thức chính quy do Khoa Luật quản lý và phụ trách chuyên môn.

2. Sự cần thiết và mục tiêu của đề án

2.1. Sự cần thiết của đề án

2.1.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế ĐTTX trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 6265/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Thương mại đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy ngành Luật kinh tế và căn cứ tuyển sinh ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ đại học 12 khóa liên tục theo hình thức chính quy của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ kết luận thông qua đề xuất chủ trương đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học ngành Luật kinh tế (CTĐT Luật kinh tế) tại Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 09/02/2023 và Nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 16/02/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại v/v thông qua chủ trương ĐTTX trình độ đại học ngành Luật kinh tế (CTĐT Luật kinh tế).

2.1.2. Căn cứ thực tiễn

Hiện nay, bên cạnh hình thức đào tạo trực tiếp truyền thống, hình thức đào tạo từ xa (ĐTTX) ngày càng thu hút sự quan tâm của người dân vì điều kiện học tập thuận lợi, mở ra cơ hội học tập cho nhiều người. Đặc biệt, sau thời gian dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp kéo dài hai năm, các cơ sở đào tạo từ giáo dục tiểu học cho đến giáo dục đại học đã tiếp cận và triển khai một cách cơ bản hoạt động giảng dạy từ xa dưới nhiều hình thức khác nhau. Điều này đã tạo tiền đề thực tiễn đủ độ tin cậy để các cơ sở giáo dục chính thức triển khai tổ chức nhiều hình thức đào tạo hiện đại bên cạnh hình thức đào tạo truyền thống nhằm đa dạng hoá sự lựa chọn về cách thức học tập cho người học. Việc đẩy mạnh triển khai một cách có thể thống hình thức đào tạo từ xa tại các cơ sở giáo dục tại Việt Nam hiện nay hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước. Theo văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần 8 về nội dung các mục tiêu đột phá chiến lược, đối với vấn đề đổi mới toàn diện; căn bản giáo dục: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”¹.

Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy ĐTTX không bị hạn chế về thời gian, địa điểm, tăng khả năng tự học và người học không bị ràng buộc bởi thời gian eo hẹp khi thực hiện công việc công tác hoặc do hoàn cảnh gia đình. Với những người lao động do nhu cầu công việc cần phải được đào tạo nâng cao trình độ, cập nhật kỹ năng nghề nghiệp nhưng không có nhiều thời gian thì ĐTTX là lựa chọn hợp lý. ĐTTX giảm khá nhiều chi phí bởi người dạy và người học không nhất thiết phải lên lớp trong suốt thời gian đào tạo. Đây thực sự là một hình thức đào tạo đáp ứng được nhu cầu học tập suốt đời của người học hiện nay.

Ở Việt Nam hiện nay có hai hình thức ĐTTX gồm: Một là, đào tạo từ xa kiểu truyền thống người học tự học tập, nghiên cứu qua giáo trình, tài liệu, sau đó có sự hướng dẫn trực tiếp giải đáp một số buổi trên lớp. Hai là, đào tạo trực tuyến (E- Learning). Cùng với sự phát triển của khoa học – công nghệ, đặc biệt là bối cảnh chuyển đổi số đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hình thức ĐTTX bằng e-learning. Hình thức đào tạo này có nhiều ưu điểm vượt trội so với ĐTTX theo hình thức truyền thống như người học được cung cấp học liệu điện tử có chất lượng cao, hầu như không khác biệt so với đào tạo trực tiếp; người học không bị ràng buộc bởi thời điểm và không gian học tập...

Nhu cầu nhân sự ngành Luật kinh tế trên thị trường chưa bao giờ tăng cao và cấp thiết như hiện nay. Từ chủ trương, đường lối của Đảng cho đến thực tiễn nhu cầu nghề nghiệp ngành Luật kinh tế trên thị trường đều thể hiện rõ điều này. Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW

¹ Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, trang 232.

ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới cũng đã nhấn mạnh một trong ba trọng tâm của Nghị quyết là “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật”. Bên cạnh đó, theo thông tin từ Bộ Tư pháp, tính đến năm 2023, Việt Nam có hơn 17.317 luật sư, 4.957 thẩm phán, với 567.521 vụ việc, đã giải quyết 504.618 vụ việc (đạt tỷ lệ 88,9% vụ việc có nhu cầu giải quyết), chưa kể những nhu cầu cán bộ pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương không ngừng tăng lên qua các năm. Cụ thể: Theo thông tin thống kê từ Bộ Tư pháp, tính riêng các chức danh tư pháp, Việt Nam cần tới hơn 20.000 nhân sự, trong đó cần thêm 13.000 luật sư, 2.300 thẩm phán, 2000 công chứng viên, 3000 chấp hành viên và hàng trăm thẩm tra viên. Những con số này cho thấy cơ hội nghề nghiệp đối với nhân sự ngành Luật kinh tế nói chung và Luật Kinh tế nói riêng mở rộng. Bên cạnh đó, nhu cầu nguồn nhân lực am hiểu pháp luật kinh doanh tại các doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh do sự phát triển không ngừng của nền kinh tế và nhận thức tuân thủ pháp luật ngày càng cao của các chủ thể trong xã hội dẫn đến sự thiếu hụt nhân lực ngành Luật kinh tế nói chung, ngành Luật kinh tế nói riêng ngày càng trở nên khó giải quyết. Vì vậy, nhu cầu nhân sự trong ngành Luật kinh tế dự báo sẽ còn tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Trong nhiều năm qua, hoạt động tuyển sinh của ngành Luật kinh tế hướng tới đối tượng là người học vừa hoàn thành chương trình trung học phổ thông. Hoạt động đào tạo cho đối tượng người học này chủ yếu theo hình thức đào tạo trực tiếp. Trong tương lai gần, cùng với sự phát triển của một xã hội năng động, linh hoạt, đối tượng người học này cũng sẽ xuất hiện nhu cầu được lựa chọn các hình thức đào tạo có tính linh hoạt cao nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo như hình thức đào tạo trực tiếp hiện hành.

Thực tiễn cho thấy, bên cạnh đối tượng người học vừa hoàn thành chương trình trung học phổ thông, nhiều đối tượng người học khác trong xã hội có nhu cầu được đào tạo về Luật kinh tế: (i) đối tượng đã được đào tạo ở một chuyên ngành khác nhưng có nhu cầu được đào tạo về Luật kinh tế một cách hệ thống và bài bản nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành công việc vừa đảm bảo hiệu quả đồng thời lại kiểm soát và phòng tránh được các rủi ro pháp lý. (ii) đối tượng đang được đào tạo một chuyên ngành khác nhưng có nhu cầu song song được đào tạo về Luật kinh tế nhằm tiết kiệm thời gian học tập mà lại được trang bị kiến thức chuyên môn về Luật kinh tế và các chuyên ngành khác. (iii) đối tượng hiện đang công tác tại các đơn vị sử dụng lao động và có nhu cầu được trang bị kiến thức Luật kinh tế nhằm bổ sung yêu cầu chuyên môn và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp về pháp luật. Quan trọng là, đối tượng người học này do điều kiện học tập và công việc không thể tham gia các chương trình đào tạo chính quy tập trung. Vì vậy, họ có nhu cầu được đào tạo kiến thức Luật kinh tế theo một phương thức đào tạo linh hoạt mà vẫn đảm bảo kiến thức, kỹ năng

cần thiết. Hình thức đào tạo từ xa là hình thức đào tạo đáp ứng hiệu quả nhu cầu học tập của đối tượng người học này.

Trường Đại học Thương mại với sứ mạng “Đào tạo nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.”. Việc xây dựng CTĐT từ xa ngành Luật kinh tế sẽ góp phần đào tạo nhân lực chất lượng cao thông qua cung cấp thêm nhiều cơ hội học tập cho người học trên phạm vi cả nước.

Như vậy, việc đề xuất chủ trương ĐTTX trình độ đại học ngành Luật kinh tế (CTĐT Luật kinh tế) là phù hợp với sự phát triển ngành, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Thương mại.

2.2. Mục tiêu của đề án

2.2.1. Thời gian tuyển sinh

Trường dự kiến bắt đầu tuyển sinh từ năm 2024 và tổ chức tuyển sinh liên tục trong năm, tùy thuộc vào nhu cầu và số lượng người học đăng ký.

2.2.2. Mục tiêu đào tạo

Cung cấp nguồn nhân lực Luật có chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2.3. Kế hoạch và số lượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh đại học hằng năm của Trường.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2.2.4. Quy mô đào tạo trong 5-10 năm tới

Dự kiến quy mô đào tạo từ 400-500 người học/năm.

2.2.5. Chất lượng đào tạo

Mục tiêu đào tạo của ngành Luật kinh tế (CTĐT Luật kinh tế hệ chuẩn) của hình thức đào tạo chính quy và hình thức ĐTTX là tương tự nhau. Các điều kiện giảng dạy như đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được đầu tư. Do đó, chất lượng đào tạo của CTĐT từ xa Luật kinh tế đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

2.2.6. Hiệu quả và tác động xã hội

CTĐT từ xa ngành Luật kinh tế khi được triển khai tổ chức đào tạo dự kiến sẽ thu hút được hai nhóm đối tượng người học có nhu cầu học tập. Một là, người học sinh sống và làm việc ngoài địa bàn Hà Nội, có nhu cầu học tập CTĐT Luật kinh tế của Trường Đại học Thương mại nhưng do rào cản địa lý nên trước đây chưa thể tham gia học theo

hình thức chính quy tập trung hoặc vừa làm vừa học. Hai là, người học đã có bằng đại học ở một ngành đào tạo khác hoặc bậc đào tạo thấp hơn, hiện đang làm việc ở vị trí Luật trong các doanh nghiệp. Đối tượng người học này rất cần bổ sung kiến thức.

CTĐT từ xa ngành Luật kinh tế với những lợi thế về thời gian, không gian học tập sẽ giúp cho nhiều cá nhân có mong muốn học tập ngành Luật kinh tế có thể hiện thực hóa mong muốn này. Do vậy, Nhà trường kỳ vọng việc tổ chức đào tạo CTĐT từ xa sẽ tạo ra những đóng góp mới trong đào tạo nhân lực ngành Luật kinh tế đối với xã hội.

3. Nội dung và kế hoạch chuẩn bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu thực hiện đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Luật kinh tế (chương trình đào tạo Luật kinh tế)

3.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa

Hệ thống ĐTTX của Trường bao gồm tổng thể các thành phần:

- (1) Bộ phận phụ trách tổ chức và quản lý đào tạo;
- (2) Các văn bản quy định về đào tạo từ xa;
- (3) Chương trình đào tạo từ xa;
- (4) Học liệu đào tạo từ xa (HLĐTTX);
- (5) Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý;
- (6) Hệ thống quản lý giảng dạy - học tập từ xa;
- (7) Hệ thống kiểm tra, đánh giá;
- (8) Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ.

3.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường

Trường đã tổ chức xây dựng và ban hành *Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại* kèm theo Quyết định số 916/QĐ-ĐHTM ngày 31/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại. Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường được ban hành đảm bảo các quy định tại Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó đã quy định rõ một số nội dung hoạt động ĐTTX:

(1) *Thời gian học tập*: Thời gian học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm, thời gian học tập tối đa: 7 năm. Người học có thể đăng ký học tập theo tiến độ nhanh để rút ngắn thời gian học tập.

(2) *Tổ chức ĐTTX*:

Tổ chức ĐTTX được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Người học được xem xét, công nhận kết quả học tập để chuyển đổi, miễn trừ những học phần đã tích lũy ở các CTĐT cấp văn bằng khác.

Đặc thù của mô hình ĐTTX là sự tự học của học viên ở mức độ cao. Hầu hết các công tác quản lý cũng như thông tin, trao đổi đều được tiến thông qua hệ thống công nghệ đào tạo và quản lý từ xa (online).

Trước khi bắt đầu chính thức khóa học, người học sẽ được hướng dẫn học E-Learning để thông thạo sử dụng các phương tiện điện tử (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh, ...); Internet và các cách thức sử dụng học liệu.

Việc tổ chức đào tạo đảm bảo người học được thực hiện 4 hoạt động học tập chính: Tự học tập các nội dung bài giảng từ học liệu điện tử; Trao đổi thảo luận chuyên môn theo chủ đề (có định hướng) với giảng viên qua diễn đàn và tham vấn, đặt câu hỏi với giảng viên qua diễn đàn hoặc cửa sổ chat; Luyện tập - Ôn tập kiến thức thu được thông qua các bài trắc nghiệm/câu hỏi ôn tập/câu hỏi thực hành; Thực hiện đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

* *Tự học*: Người học tự học bài giảng từ HLĐTTX thông qua hệ thống LMS, bao gồm: video bài giảng, slide, bài giảng text,...

* *Trao đổi – thảo luận*:

- Người học trao đổi thảo luận chuyên môn theo chủ đề (có định hướng) với giảng viên qua diễn đàn;

- Người học tham vấn, đặt câu hỏi với giảng viên qua diễn đàn hoặc cửa sổ chat để được giải đáp thắc mắc.

* *Luyện tập - Ôn tập*: Người học được ôn tập kiến thức thu được thông qua các bài trắc nghiệm/câu hỏi ôn tập/câu hỏi thực hành đã được đăng tải trên hệ thống LMS.

* *Đánh giá học phần*: Người học thực hiện đánh giá giữa kỳ (làm bài kiểm tra) và đánh giá cuối kỳ (làm bài thi) đối với học phần lý thuyết + thực hành/lý thuyết + thảo luận và đánh giá trong quá trình (làm bài kiểm tra thực hành) đối với học phần thực hành.

(3) *Phương thức ĐTTX và cấp bằng*:

- Trường áp dụng phương thức Mạng máy tính và viễn thông để ĐTTX.

- Khi tốt nghiệp CTĐT này, người học sẽ được cấp bằng cử nhân Luật, trong bảng điểm sẽ ghi rõ CTĐT Luật kinh tế (hình thức đào tạo từ xa) trình độ đại học.

(4) *Đảm bảo chất lượng*:

Chương trình, giáo trình của CTĐT từ xa Luật kinh tế trình độ đại học xây dựng tương tự như CTĐT chính quy tương ứng, chỉ điều chỉnh nhóm học phần tự chọn cho phù hợp với phương thức ĐTTX.

Các học phần và bài giảng được thông qua bởi Trưởng Bộ môn và trực tiếp do giảng viên Trường Đại học Thương mại giảng dạy hoặc các giảng viên mời giảng từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước và được chính Bộ môn và Khoa chuyên môn phụ trách học phần thông qua.

Ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần bao quát được kiến thức của học phần. Việc thi kết thúc học phần của CTĐT từ xa được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm

khách quan tại Trường hoặc các cơ sở phối hợp đào tạo được phê duyệt của Trường Đại học Thương mại.

(5) Tài chính

- Học phí của CTĐT được Hiệu trưởng quy định theo năm học, căn cứ vào quy định của Nhà nước.

- Nguồn thu học phí dự kiến thanh toán cho các hoạt động: Đầu tư hệ thống quản lý ĐTTX; xây dựng HLĐTTX; thanh toán cho giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý; chi trả cho đối tác; chi phí quản lý;...

Ngoài ra, Trường cũng đã ban hành Quy định về hoạt động khảo thí đối với hình thức đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-ĐHTM ngày 26/6/2023 và các quy định liên quan đến chuẩn đầu ra tiếng Anh, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, quy định về đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT đối với sinh viên hình thức đào tạo từ xa.

3.3. Hệ thống quản lý giảng dạy - học tập từ xa

Trường đã xây dựng Kế hoạch số 1021A/KH-ĐHTM ngày 18/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về *Triển khai chuyển đổi số trong dạy và học của Trường Đại học Thương mại giai đoạn 2022-2025* với mục đích triển khai các hệ thống phần mềm, dịch vụ nhằm tăng cường cho các hình thức đào tạo trực tuyến hoặc kết hợp. Các hệ thống phần mềm đã được triển khai và vận hành thành công gồm:

- Hệ thống phần mềm quản lý giảng dạy – học tập từ xa (LMS), địa chỉ truy cập <https://lms.tmu.edu.vn> và <https://dttx.tmu.edu.vn>;

- Hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, địa chỉ truy cập <http://thitracnghiem.tmu.edu.vn>;

- Hệ thống phần mềm phục vụ họp trực tuyến cho phép sử dụng độc lập hoặc tích hợp cùng LMS gồm phần mềm TranS và Microsoft-Teams.

3.4. Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ đào tạo từ xa

Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ ĐTTX của Trường đảm bảo cung cấp các thông tin liên quan tới ĐTTX; lưu trữ và truyền tải nội dung CTĐT từ xa tới người học; giám sát, quản lý và đánh giá người học trong quá trình học tập; lưu trữ và bảo mật thông tin về việc học tập, quá trình tham gia học tập cũng như hồ sơ cá nhân của người học đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành và quy định của cơ sở đào tạo về lưu trữ và bảo mật thông tin; kết nối thông tin giữa người học, giảng viên và cán bộ quản lý qua hệ thống công nghệ thông tin (CNTT). Cụ thể:

3.4.1. Hạ tầng mạng

Hệ thống mạng nội bộ của Nhà trường được đầu tư đồng bộ, toàn bộ hệ thống cáp trục nối giữa 12 tòa nhà trong Trường đều sử dụng cáp quang ngầm SingleMode với

phạm vi truyền tải 10Km. Các thiết bị mạng đầu cuối tại các tòa nhà đều được đầu tư chính hãng (Cisco, Arubar), giao tiếp module quang đạt tốc độ tối thiểu 1Gb, giao diện quản trị thông minh layer 2/3. Các cáp mạng nội bộ trong các phòng hoặc tầng của tòa nhà đều sử dụng cable chuẩn CAT6/6E, kết nối tập trung qua các thiết bị Switch/Hub tốc độ Gigabit. Tại tất cả các văn phòng làm việc đều được đầu tư hệ thống wifi mesh tốc độ cao, khả năng chịu tải lớn, thuận lợi cho viên chức/người lao động sử dụng các dịch vụ/phần mềm trên đa dạng các thiết bị.

3.4.2. Đường truyền Internet

Nhà trường sử dụng 03 đường truyền Internet tốc độ cao đảm bảo mọi nhu cầu truy cập khai thác sử dụng mạng cho viên chức/người lao động, cho hệ thống phòng máy thực hành và hệ thống phòng chức năng tại thư viện, trong đó: 01 đường truyền riêng Leased Line 70Mbps quốc tế, 300Mbps nội địa từ nhà cung cấp Netnam; 02 đường truyền riêng Leased Line, mỗi đường có băng thông 10-50Mbps quốc tế, 300Mbps nội địa từ nhà cung cấp Viettel.

3.4.3. Hệ thống phần mềm quản lý điều hành

Các máy tính tại các Khoa, Bộ môn, Phòng ban đều được cài đặt đầy đủ hệ điều hành và phần mềm văn phòng cơ bản cho máy tính (như Windows, office, trình duyệt, winrar, foxit, kapersky...).

Từ năm 2007, Trường Đại học Thương mại đã phát triển hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ góp phần quan trọng trong việc số hóa và quản lý dữ liệu đào tạo. Đến năm 2022, thực hiện Đề án chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động quản lý điều hành, dạy học; nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã quyết liệt triển khai để thay thế toàn bộ phần mềm quản lý đào tạo cũ bởi một hệ thống toàn diện và chuyên nghiệp hơn, dần hình thành một hệ sinh thái các phần mềm chuyên trách nhưng vẫn đồng bộ chia sẻ dữ liệu qua một cơ sở dữ liệu dùng chung và duy nhất, là tiền đề quan trọng để đạt mục tiêu đại học số trong chiến lược phát triển của Trường. Một số hệ thống phần mềm/dịch vụ phục vụ quản lý – điều hành hiện đã được Trường đưa vào vận hành gồm:

- Hệ thống điều hành văn bản eOffice;
- Cổng thông tin Nhà trường: <https://tmu.edu.vn> và 30 websites các đơn vị trực thuộc;
- Hệ thống lịch công tác nội bộ: <https://mangnoibo.tmu.edu.vn>;
- Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.tmu.edu.vn>;
- Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo PSC-UIS cho các trình độ đào tạo/hình thức đào tạo (đại học chính quy, đại học từ xa, sau đại học, liên kết quốc tế) với đầy đủ các phân hệ cho các đơn vị chức năng trong Trường vận hành như: quản lý người học, quản lý nghiệp vụ đào tạo, khảo thí và đảm bảo chất lượng, quản lý học phí, ...

- Cổng thông tin đào tạo, cung cấp tất cả các thông tin về tài khoản, tiến trình học tập, kết quả học tập,... cho người học: <https://congdaotao.tmu.edu.vn>;
- Cổng đăng ký tín chỉ, cung cấp giao diện để người học đăng ký học phần tại các học kỳ: <https://dangky.tmu.edu.vn>;
- Hệ thống phần mềm quản lý khoa học;
- Hệ thống phần mềm chống đạo văn.

3.5. Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học bảo đảm khách quan, trung thực; đánh giá được quá trình học tập, đánh giá kết thúc học phần; kiểm soát được việc học, làm bài kiểm tra, thi và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình học tập của người học. Cụ thể:

- Việc đánh giá quá trình học tập của người học được kiểm soát thông qua phần mềm quản lý học tập LMS cho phép ghi nhận các hoạt động học tập của người học, bao gồm: học tập các nội dung từ HLĐTTX; tham dự buổi học, buổi hướng dẫn, trao đổi thảo luận; làm bài kiểm tra/bài thực hành; tham vấn và đặt câu hỏi với giảng viên.

- Việc thi kết thúc học phần được tổ chức thông qua bài thi trắc nghiệm khách quan trên máy theo hình thức trực tiếp, người học tập trung tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo và được giám sát bởi cán bộ của Trường. Việc tổ chức thi được hỗ trợ bởi hệ thống phần mềm thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, địa chỉ truy cập <http://thitracngkiem.tmu.edu.vn>.

3.6. Chương trình đào tạo từ xa

Căn cứ vào chủ trương ĐTTX chương trình Luật kinh tế trình độ đại học đã được Hội đồng trường phê duyệt, Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng CTĐT từ xa Luật kinh tế trình độ đại học theo Thông báo số 295/TB-ĐHTM ngày 15/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về Kế hoạch xây dựng các CTĐT từ xa trình độ đại học năm học 2023-2024.

Việc xây dựng CTĐT từ xa Luật kinh tế trình độ đại học đã được Nhà trường giao nhiệm vụ cho Hội đồng xây dựng CTĐT ban hành theo Quyết định số 330/QĐ-ĐHTM ngày 15/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

CTĐT từ xa Luật kinh tế trình độ đại học cũng đã được Hội đồng thẩm định CTĐT kết luận thông qua tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT vào ngày 25/8/2023; được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua theo kết luận tại Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 11/9/2023; và được Hội đồng trường thông qua theo kết luận tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 26/9/2023.

Căn cứ vào kết quả thẩm định CTĐT của Hội đồng thẩm định và kết luận thông qua CTĐT của Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Hội đồng trường, CTĐT từ xa Luật

kinh tế trình độ đại học đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1736/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

CTĐT từ xa được xây dựng dựa trên CTĐT chính quy, trong đó đảm bảo sự tương đồng về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, các học phần bắt buộc tương tự, có điều chỉnh một số học phần tự chọn và học phần giáo dục thể chất cho phù hợp với phương thức ĐTTX. CTĐT từ xa đã được xây dựng hoàn chỉnh, có kế hoạch đào tạo toàn khóa và đề cương chi tiết của từng học phần đáp ứng yêu cầu của CTĐT, phù hợp với phương thức ĐTTX.

3.7. *Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện đào tạo từ xa*

- Tổng số viên chức của Trường tính đến tháng 9/2023 là 753 người, trong đó: giảng viên cơ hữu là 504 người. Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu theo chức danh khoa học và học vị bao gồm: 02 Giáo sư; 43 Phó giáo sư; 231 Tiến sĩ; 442 Thạc sĩ. Trong đó, đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT trình từ xa bao gồm các giảng viên cơ hữu, giảng viên làm việc toàn thời gian của Trường có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, có kinh nghiệm giảng dạy trực tuyến theo phương thức blended trên hệ thống LMS, đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo hình thức ĐTTX và đảm bảo chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT từ xa.

- Đội ngũ cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý thực hiện ĐTTX gồm khoảng 20 viên chức thuộc Phòng Quản lý đào tạo; có trình độ cử nhân, thạc sĩ, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo và vận hành hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đại học chính quy và vừa làm vừa học, có trình độ CNTT đáp ứng yêu cầu quản lý người học theo hình thức ĐTTX. Mỗi lớp hành chính sẽ có 01 cán bộ hỗ trợ học tập và 01 cán bộ quản lý lớp, có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong việc đăng ký học tập, học tập, hỗ trợ các thủ tục hành chính cho người học,... giúp người học đạt kết quả học tập tốt, hoàn thành khóa học đúng tiến độ.

Dự kiến trước khi thực hiện chương trình ĐTTX từ xa Luật kinh tế trình độ đại học, Trường sẽ tổ chức tập huấn kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý ĐTTX cho đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý CTĐT.

3.8. *Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và học liệu đào tạo từ xa*

3.8.1. *Cơ sở vật chất, thiết bị và thư viện*

a) *Cơ sở vật chất, thiết bị*

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ ĐTTX của Trường bao gồm:

- Hệ thống văn phòng làm việc của giảng viên (văn phòng bộ môn, khoa/viện); văn phòng làm việc của cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý (văn phòng Phòng Quản lý đào tạo) đảm bảo đủ diện tích và thiết bị phục vụ công việc.

- Hệ thống máy tính trong Trường được đầu tư đồng bộ và thường xuyên rà soát

thay thế các lô máy hết khấu hao. Các máy tính chính hãng HP/DELL với cấu hình tốt (CPU Core i3 Gen 11, RAM 8Gb, SSD 256, Monitor 19") đủ khả năng phục vụ tốt các thao tác văn phòng, giảng dạy trực tuyến hoặc thực hành. Tổng số máy tính phục vụ hoạt động tại các Khoa, Bộ môn, Phòng ban là 300 máy, số máy tính của giảng viên được Nhà trường hỗ trợ mua sắm là 500 máy, như vậy tỷ lệ máy tính trên viên chức của Nhà trường là 1 máy/ 1 người, đảm bảo 100% viên chức có máy tính phục vụ công việc.

- Hệ thống phòng máy chủ, phòng thực hành máy tính, hạ tầng và mạng internet đáp ứng yêu cầu xử lý kỹ thuật và đăng tải HLĐTTX lên phần mềm quản lý học tập LMS, phục vụ học tập trực tuyến và tổ chức thi kết thúc học phần.

+ Phòng máy chủ với diện tích 80m² gồm hai khu vực (gồm khu đặt máy chủ và khu trực theo dõi hệ thống) đảm bảo đầy đủ các điều kiện tiêu chuẩn về vị trí, sàn nâng, nhiệt độ, tủ rack, phòng cháy, chống sét,... Hiện tại, phòng máy chủ là nơi đặt 5 tủ rack chứa các thiết bị mạng tổng (Arubar 8320, Cisco 4750x, Cisco 3750x, Mikrotik 1100AHx4 và Mikrotik 1100AHx2), tường lửa (Fortigate 100E, 200F và Cisco ASA5525-X), module kết nối cáp mạng tới nhà cung cấp, hệ thống sao lưu và 08 máy chủ nội bộ phục vụ các nhiệm vụ quản trị mạng và triển khai một số phần mềm dịch vụ trong Nhà trường.

Ngoài ra để phục vụ các hệ thống phần mềm, dịch vụ theo đề án chuyển đổi số (gồm hệ thống phần mềm quản lý bài cho Tạp chí điện tử, phần mềm quản lý đào tạo PSC-UIS, cổng thông tin Nhà trường, hệ thống LMS,...), Nhà trường tiếp tục đầu tư các hệ thống máy chủ đám mây (Cloud Server) chuyên nghiệp để nâng cao khả năng vận hành.

Bảng 1: Thống kê các máy chủ nội bộ và đám mây của Trường Đại học Thương mại tính đến tháng 6/2023

STT	Máy chủ	Số lượng	Năm	Ghi chú
1.	Máy chủ HP ML570	1	2010	
2.	Máy chủ IBM X360 M1	1	2012	
3.	Máy chủ HP DL580	1	2012	
4.	Máy chủ IBM X360 M4	3	2016	
5.	Máy chủ Dell R740	1	2022	
6.	Máy chủ Dell R540	1	2022	
7.	Máy chủ Dell R750	3	2023	
8.	Cloud Server Nhân Hòa (CPU: 2 x Intel® Xeon® E5-26xx V1-16 cores, 32 Threads; SSD: 2 x 480GB SSD Enterprise; RAM: 48GB)	1	2022	Phục vụ phần mềm quản lý bài viết của tạp chí điện tử

9.	Cloud Server Microsoft Azure Standard_E16as_v4	1	2022	Phục vụ phần mềm quản lý đào tạo PSC-UIS
10.	Azure App Service Plan Instance P2v3	1		
11.	VPS – Proxy (cloud server viettel) - CPU: 08 core - RAM: 08 GB - SSD: 100 GB	2	2022	Phục vụ phần mềm LMS
12.	VPS – LMS (cloud server viettel) - CPU: 16 core - RAM: 16 GB - SSD: 100 GB	4		
13.	VPS - DB Master/Slave (cloud server viettel) - CPU: 16 core - RAM: 16 GB - SSD: 200 GB	4		
14.	VPS – NFS (cloud server viettel) - CPU: 08 core - RAM: 08 GB - SSD: 500 GB	2		
15.	VPS - LỚP HỌC ẢO – VCR (cloud server viettel) - CPU: 08 core - RAM: 16 GB - SSD: 200 GB	2		
16.	Cloud Server bizfly cloud 6 core Cpu 8Gb Ram 200 Gb HDD, HĐH CENTOS 7.7	1	2022	Phục vụ công thông tin điện tử của Trường

Nguồn: Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thương mại

+ Hệ thống phòng máy thực hành được trang cấp đồng bộ, quy hoạch về các vị trí thuận tiện cho giảng dạy/học tập, hệ thống mạng – máy tính – máy chủ - đường truyền cho phòng thực hành độc lập. Hiện tại, Nhà trường có 8 phòng máy với 300 máy tính, các phòng máy ngoài phục vụ việc thực hành, giảng dạy trực tuyến thì còn được sử dụng cho các đợt thi trắc nghiệm kết thúc học phần; đánh giá chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT, chuẩn đầu ra tiếng Anh, thi VSTEP,...

- Nhà trường còn có 07 phòng đa năng, thực hiện cho nhiều nhiệm vụ như hội thảo truyền hình, họp trực tuyến, quay video bài giảng (Studio) được đầu tư đường truyền, thiết bị ghi âm-ghi hình,... Ngoài ra, Trường còn có 09 máy tính cấu hình cao chuyên phục vụ cho việc xử lý hậu kỳ các học liệu điện tử sau khi quay, được vận hành bởi các đơn vị chức năng là Trung tâm Công nghệ thông tin và Phòng Truyền thông và Tuyển sinh.

b) Thư viện

Trường có thư viện, thư viện điện tử với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo và các cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành đủ để cung cấp, hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu của người học.

(i) Tài liệu truyền thống (dạng in):

- Tài liệu tham khảo:

Bảng 2: Thống kê số lượng tài liệu tham khảo của Trường Đại học Thương mại theo nhóm ngành đào tạo tính đến tháng 9/2023

Nhóm ngành	Số lượng
III	8900
V	1670
VII	5950

Nguồn: Thư viện, Trường Đại học Thương mại

- Báo - Tạp chí:

+ Báo, Tạp chí (tiếng Việt): 97 loại

+ Báo, Tạp chí (ngoại văn): 6 loại

- Đề tài NCKH: 887 tên

- Kỹ yếu Hội thảo khoa học: 307 cuốn

(ii) Ebook và cơ sở dữ liệu (CSDL) điện tử:

- Tài liệu điện tử nội sinh:

+ Luận án tiến sĩ & Luận văn thạc sĩ: 3131 (đĩa CD)

+ Giáo trình: 56 tài liệu

+ Đề cương bài giảng, đề cương học phần: 1017 tài liệu

+ Ngân hàng câu hỏi ôn tập: 405 tài liệu

+ Tài liệu truy cập mở: 154 tài liệu

- CSDL điện tử:

+ 1570 đĩa CD (các CSDL Business periodicals on disk, Business and Management Practices, Ecolit, Dissertation Abstracts)

+ Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Proquest Ebook Central: 120 tên sách

+ Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Igroup: 75 tên sách

- + Quyền truy cập và sử dụng 4 CSDL của Cục Thông tin KH&CN quốc gia:
- + Quyền truy cập vào CSDL của Trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia

Hà Nội:

. Thư viện số tài liệu nội sinh: luận văn, luận án, sách... (hơn 31.000 luận án, luận văn điện tử, 2000 kết quả nghiên cứu; tài liệu in: 114.000 tên sách; 400 tên tạp chí)

Bảng 3: Cơ sở dữ liệu của Cục thông tin Khoa học và công nghệ quốc gia được quyền truy cập

STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam	STD là cơ sở dữ liệu toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam, do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987.
KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu	KQNC là cơ sở dữ liệu thư mục lớn nhất Việt Nam về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. CSDL bao gồm hơn 11.000 mô tả thư mục và tóm tắt.
Proquest Central	Proquest Central là bộ cơ sở dữ liệu lớn hơn cơ sở dữ liệu đa ngành, 19.000 tạp chí (hơn 13.000 tạp chí toàn văn), bao quát trên 160 lĩnh vực chủ đề khác nhau thuộc các ngành khoa học: Kinh tế - kinh doanh, Y học, Công nghệ, Khoa học xã hội...
CSDL Credo Reference	Credo Reference là CSDL tra cứu, tham khảo trực tuyến đa ngành, đa lĩnh vực cho phép truy cập tới hơn 500 bộ dữ liệu toàn văn từ hơn 80 nhà xuất bản, trên 3 triệu đầu mục dữ liệu; 200.000 tệp âm thanh số hóa; 40.000 tranh ảnh nghệ thuật, khoa học, y học; và 90.000 tập bản đồ về các địa danh, đặc điểm địa lý trên thế giới.

Nguồn: Thư viện, Trường Đại học Thương mại

. CSDL ScienceDirect: Là cơ sở dữ liệu điện tử toàn văn bao gồm các tài liệu toàn văn của 1.2 triệu bài tạp chí tạp chí được lựa chọn thông qua quá trình phân biên nghiêm ngặt thuộc 04 chủ đề lớn của 24 lĩnh vực khoa học của XNB Elsevier như: khoa học xã hội, quản lý và kế toán, kinh tế kinh doanh, khoa học máy tính....

. Tạp chí Toán học MathSciNet: MathSciNet là một nhà xuất bản điện tử cho phép truy cập đến một cơ sở dữ liệu bao gồm các bài điểm sách, báo, các tóm tắt và thông tin thư mục cho rất nhiều các tài liệu Toán học chuyên ngành. Hơn 100.000 tài liệu mới được bổ sung hằng năm, hầu hết các tài liệu này đã được phân loại theo Hệ thống phân loại chuyên ngành toán. MathSciNet còn bao gồm hơn 3 triệu tài liệu và hơn 1,7 triệu liên kết trực tiếp tới các bài báo gốc. Dữ liệu thư mục cho các bài báo cũ được số hóa hồi cổ cho đến những năm 1800.

. CSDL tạp chí & sách điện tử World Scientific: World Scientific được thành lập năm 1981 tại Singapore - là một trong những nhà xuất bản hàng đầu về thông tin

khoa học trên thế giới và là nhà xuất bản quốc tế về khoa học lớn nhất trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. World Scientific xuất bản khoảng 600 tựa sách và 130 tạp chí mới mỗi năm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều xuất bản phẩm của WSP được thông qua bởi các tổ chức nổi tiếng như Đại học Harvard, Viện Công nghệ California, Đại học Stanford và Đại học Princeton. Số lượng tài liệu là trên 8000 sách điện tử chủ đề đa ngành

. Thư viện sách điện tử Bookboon: Bookboon là một trong những công ty xuất bản sách điện tử lớn trên thế giới. Bookboon cung cấp cho người học những cuốn sách giáo khoa miễn phí được viết bởi các giáo sư từ các trường đại học hàng đầu thế giới, bao gồm nhiều đủ đề khác nhau.

+ Quyền truy cập vào CSDL tạp chí điện tử của nhà xuất bản SAGE Publications Limited và Emerald Publishing Limited bao gồm 1122 tên tạp chí

+ Quyền truy cập vào CSDL tài liệu nội sinh của Thư viện Đại học Hải Phòng và Thư viện Đại học Mở Hà Nội.

3.8.2. Học liệu đào tạo từ xa

HLĐTTX của CTĐT Luật kinh tế trình độ đại học đã được tổ chức xây dựng theo Thông báo số 141/TB-ĐHTM ngày 14/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại và Thông báo số 199/TB-ĐHTM ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Đến nay, việc xây dựng HLĐTTX của CTĐT Luật kinh tế trình độ đại học đã hoàn thành, đảm bảo đáp ứng đầy đủ học liệu chính và học liệu bổ trợ của CTĐT, bao gồm 55 bộ, tương ứng với 55/55 học phần phải xây dựng HLĐTTX (trong tổng số 57 HP của CTĐT Luật kinh tế). Hội đồng thẩm định HLĐTTX đã họp thẩm định HLĐTTX theo 2 giai đoạn vào 5/2023 và 10/2023; và kết luận bộ HLĐTTX đã đảm bảo quy định và được nghiệm thu.

Sau khi các nhóm chuyên môn đã chỉnh sửa, hoàn thiện HLĐTTX theo kết luận của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng đã ban hành Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng HLĐTTX của CTĐT Luật kinh tế trình độ đại học theo đúng quy định.

3.9. Bộ phận phụ trách quản lý đào tạo từ xa

Việc tổ chức và quản lý ĐTTX thuộc trách nhiệm của Phòng Quản lý đào tạo và các đơn vị có liên quan. Trong đó, nhiệm vụ của các bộ phận cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chủ trì phụ trách quản lý ĐTTX, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Đầu mối tổ chức xây dựng CTĐT từ xa, tổ chức xây dựng HLĐTTX;

+ Tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc tổ chức hợp tác ĐTTX với cơ sở phối hợp đào tạo; Đầu mối tổ chức hợp tác với cơ sở đào tạo trong nước trong việc trao đổi người học;

+ Đầu mối, phối hợp với Phòng Truyền thông và Tuyển sinh tổ chức truyền thông tuyển sinh CTĐT từ xa trên các phương tiện truyền thông của Trường;

+ Đầu mối, phối hợp với Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị liên quan tổ chức nhập học, khai giảng, bế giảng khóa học;

+ Lập kế hoạch đào tạo, phân công bộ môn quản lý và giảng dạy học phần;

+ Thực hiện các thủ tục mở lớp ĐTTX theo đúng quy định hiện hành; Phân công cán bộ hỗ trợ học tập và cán bộ quản lý người học thuộc CTĐT từ xa;

+ Phối hợp với Phòng Công tác sinh viên phổ biến, hướng dẫn cho người học quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của người học khi bắt đầu khóa học;

+ Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức thi cho người học tại Trường và các cơ sở phối hợp đào tạo;

+ Chịu trách nhiệm quản lý người học; quản lý học vụ, xét tốt nghiệp; quản lý công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho người học;

+ Thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này.

- Khoa Luật là đơn vị chủ trì phụ trách chuyên môn của CTĐT từ xa, có nhiệm vụ:

+ Chịu trách nhiệm chuyên môn trong xây dựng CTĐT từ xa, tham gia xây dựng HLĐTTX;

+ Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ĐTTX.

- Trung tâm Công nghệ thông tin:

+ Đầu mối trong việc phối hợp với các đối tác hoặc các đơn vị có liên quan trong việc duy trì, phát triển và cung cấp hạ tầng CNTT (cả phần cứng và phần mềm) phục vụ cho ĐTTX;

+ Cấp tài khoản học tập cho người học, đồng bộ lớp học phần và các dữ liệu liên quan trên hệ thống LMS;

+ Hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố cho người dùng trong quá trình giảng dạy và học tập; quản lý và vận hành HLĐTTX trên hệ thống LMS;

+ Đảm bảo kỹ thuật trong tổ chức thi cho người học tại Trường và các cơ sở phối hợp đào tạo.

- Phòng Công tác sinh viên:

+ Thực hiện làm thẻ và cấp thẻ người học;

+ Đầu mối và phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật người học và các hoạt động khác liên quan đến chế độ, chính sách, thủ tục cho người học;

+ Đầu mối và phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo phổ biến, hướng dẫn cho người học quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của người học khi bắt đầu khóa học.

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục:

+ Tổ chức thực hiện công tác liên quan đến khảo thí và đảm bảo chất lượng đối với hoạt động ĐTTX;

+ Lấy ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan khác về hoạt động ĐTTX.

- Phòng Pháp chế và Thanh tra: Kiểm tra, giám sát nội bộ các hoạt động liên quan đến ĐTTX đảm bảo đúng quy định tại Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Phòng Kế hoạch Tài chính: Tổ chức thu học phí, lệ phí và quản lý công tác tài chính liên quan đến quá trình thực hiện ĐTTX.

- Phòng Truyền thông và Tuyển sinh: Đầu mối tổ chức hợp tác với cơ sở đào tạo nước ngoài trong việc trao đổi người học; phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tổ chức truyền thông tuyển sinh CTĐT từ xa trên các phương tiện truyền thông của Trường.

- Phòng Tổ chức nhân sự:

+ Quản lý đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện CTĐT từ xa;

+ Đầu mối, phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin trong việc tổ chức bồi dưỡng, đánh giá năng lực về kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý ĐTTX cho giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập và cán bộ quản lý trước khi tham gia thực hiện CTĐT từ xa.

- Thư viện: Cung cấp cho người học các tài liệu tham khảo, học liệu hỗ trợ dưới dạng tài liệu in ấn hoặc tài liệu điện tử thông qua hệ thống thư viện điện tử phục vụ cho ĐTTX.

3.10. Báo cáo tự đánh giá về việc đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng

Để tổ chức ĐTTX qua mạng, Trường đã đảm bảo triển khai đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016, bao gồm:

1. Cổng thông tin điện tử đào tạo qua mạng của Trường đã được tích hợp các hệ thống, chức năng: Hệ thống quản lý học tập, kho học liệu số, diễn đàn trao đổi và các công cụ hỗ trợ khác để trao đổi về học tập, giải đáp thắc mắc của người học có sự tham gia của giảng viên, cung cấp thông tin liên quan đến đào tạo qua mạng, hệ thống tài khoản đăng nhập và có kế hoạch cung cấp thư điện tử đến từng người học để trao đổi thông tin liên quan đến toàn bộ quá trình ĐTTX.

2. Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet: Hệ thống phòng máy chủ, hạ tầng kết nối mạng Internet của Trường có đủ băng thông, năng lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, giúp người dùng truy cập, không bị nghẽn mạng hay quá tải, thuận lợi cho phục vụ học tập trực tuyến và tổ chức thi kết thúc học phần,... (đã mô tả cụ thể trong mục 3.8.1).

3. Hệ thống quản lý học tập: Phần mềm LMS, phần mềm TranS và Microsoft-Teams (đã mô tả cụ thể trong mục 3.3).

4. Hệ thống quản lý nội dung học tập: Hệ thống LMS.

5. Kho học liệu số, bao gồm:

- HLĐTTX của các học phần trong CTĐT;

- Tài liệu tham khảo số.

6. Đội ngũ nhân lực đảm bảo triển khai hoạt động đào tạo qua mạng gồm:

- Đội ngũ cán bộ quản trị kỹ thuật hệ thống CNTT: Trung tâm Công nghệ thông tin của Trường chịu trách nhiệm quản trị hệ thống CNTT trong ĐTTX. Hiện Trung tâm có 10 cán bộ, trong đó có 8 ThS, 02 cử nhân CNTT. Đội ngũ cán bộ quản trị am hiểu các hệ thống ứng dụng CNTT liên quan đến ĐTTX; đã có kinh nghiệm nhiều năm kinh nghiệm vận hành hệ thống quản trị CNTT, xử lý kỹ thuật và upload học liệu điện tử phục vụ giảng dạy E-Learning của Trường.

- Đội ngũ cán bộ thiết kế học liệu: Đội ngũ cán bộ thiết kế HLĐTTX là các giảng viên chuyên môn của Trường có kinh nghiệm trong thiết kế, xây dựng thành công nhiều bộ học liệu điện tử đã đưa vào giảng dạy blended tại Trường Đại học Thương mại; đã được tham gia khóa đào tạo xây dựng bài giảng số của Tập đoàn Viettel; được tập huấn xây dựng học liệu điện tử tại Trường bởi các chuyên gia có kinh nghiệm trong ĐTTX. Đội ngũ giảng viên thiết kế học liệu đã am hiểu quy trình thiết kế, quy trình sản xuất học liệu, sử dụng thành thạo các công cụ CNTT và đã thiết kế, xây dựng HLĐTTX. Ngoài ra, các bộ HLĐTTX còn được hỗ trợ xử lý kỹ thuật, đảm bảo tính chuyên nghiệp, đồng bộ bởi cán bộ Trung tâm Công nghệ thông tin của Trường.

- Đội ngũ giảng viên của Trường đã được tập huấn đào tạo qua mạng, có kinh nghiệm trong đào tạo theo hình thức Blended đối với sinh viên đại học chính quy từ năm học 2022-2023, đã nắm vững kỹ năng đào tạo qua mạng; có khả năng quản lý, định hướng, hướng dẫn và giải đáp người học qua phương thức đào tạo qua mạng, sử dụng thành thạo hệ thống quản lý học tập qua mạng và các phương tiện CNTT theo quy định. Các giảng viên trực tiếp giảng dạy CTĐT từ xa cũng tiếp tục được Nhà trường tổ chức tập huấn kỹ năng và phương pháp ĐTTX.

- Đội ngũ cán bộ hỗ trợ học tập: Đội ngũ cán bộ hỗ trợ học tập là cán bộ Phòng Quản lý đào tạo, có kinh nghiệm trong quản lý và hỗ trợ học tập cho người học là đối tượng vừa học vừa làm. Đội ngũ này cũng sẽ được Nhà trường tiếp tục tổ chức tập huấn

kỹ năng và phương pháp quản lý và hỗ trợ người học từ xa.

7. Đã ban hành Quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng của Trường Đại học Thương mại kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-ĐHTM ngày 06/7/2023.

4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong đào tạo từ xa

Nhu cầu nhân lực ngành Luật kinh tế hiện rất lớn. Trường Đại học Thương mại là cơ sở đào tạo có uy tín và thành công nhiều năm trong đào tạo ngành Luật kinh tế. Trường cũng đã có nhiều năm kinh nghiệm tổ chức giảng dạy và quản lý đào tạo trực tuyến. Vì vậy, dự báo rủi ro trong ĐTTX ngành Luật kinh tế là rất thấp.

Trong trường hợp xảy ra những biến động lớn, có tính bất khả kháng liên quan đến tổ chức CTĐT từ xa ngành Luật kinh tế, Nhà trường sẽ có đầy đủ các biện pháp hỗ trợ và khắc phục tổn thất (nếu có) nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học.

5. Danh mục các minh chứng kèm theo đề án

- Phụ lục 1: Tờ trình đề xuất chủ trương ĐTTX; Biên bản thẩm định đề xuất chủ trương ĐTTX Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương ĐTTX

- Phụ lục 2: Biên bản thẩm định Đề án ĐTTX của Hội đồng Khoa học và Đào tạo

- Phụ lục 3: Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT từ xa; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT từ xa; Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT từ xa; Quyết định ban hành CTĐT từ xa

- Phụ lục 4: Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo

+ Bảng 1: Giảng viên thực hiện CTĐT từ xa

+ Bảng 2: Cán bộ hỗ trợ học tập CTĐT từ xa

+ Bảng 3: Cán bộ quản lý CTĐT từ xa

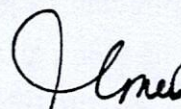
+ Bảng 4: HLĐTTX

+ Bảng 5: Cơ sở vật chất phục vụ ĐTTX

+ Bảng 6: Trang thiết bị phục vụ ĐTTX

+ Bảng 7: Phần mềm phục vụ ĐTTX

HIỆU TRƯỞNG ^{nm}



PGS,TS Nguyễn Hoàng

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Bảng 1. Giảng viên thực hiện chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế

Tên chương trình đào tạo từ xa: Luật kinh tế

Tên ngành đào tạo: Luật kinh tế

Mã ngành: 7380107

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/ CCCD/Hộ chiếu, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Loại giảng viên			Mã số bảo hiểm	Tên HP
						Cơ hữu	Làm việc toàn thời gian	Thỉnh giảng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Tạ Thị Vân Hà, 11/11/1975	001175003631, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Triết học	X			2299057153	Triết học Mác - Lê Nin
2	Nguyễn Thị Thu Hà, 20/10/1982	034182002757, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	X			0109064836	Triết học Mác - Lê Nin
3	Đỗ Thị Phương Hoa, 4/5/1983	036183000242, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	X			0109064874	Triết học Mác - Lê Nin
4	Đặng Minh Tiến, 13/5/1980	031080003365, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2015	Triết học	X			0105049902	Triết học Mác - Lê Nin
5	Phạm Thị Hương, 10/12/1980	035180009725, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	X			6004001474	Triết học Mác - Lê Nin
6	Hồ Công Đức, 6/4/1984	042084101469, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			3610000619	Triết học Mác - Lê Nin
7	Nguyễn Quỳnh Hương, 11/10/1992	001192043529, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			0131201105	Triết học Mác - Lê Nin
8	Nguyễn Thị Liên, 30/07/1992	030192019501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			0109064835	Triết học Mác - Lê Nin
9	Đào Thu Hà, 26/02/1991	001191020174, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Triết học	X			2716040881	Triết học Mác - Lê Nin
10	Tạ Thị Vân Hà, 11/11/1975	0011750003631, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Triết học	X			2299057153	Triết học Mác - Lê Nin
11	Nguyễn Thị Thu Hà, 20/10/1982	034182002757, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học	X			109064836	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Đỗ Thị Phương Hoa, 4/5/1983	036183000242, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	X			0109064874	Chủ nghĩa xã hội khoa học
13	Đặng Minh Tiến, 13/5/1980	031080003365, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2015	Triết học	X			0105049902	Chủ nghĩa xã hội khoa học
14	Phạm Thị Hương, 10/12/1980	035180009725, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	X			6004001474	Chủ nghĩa xã hội khoa học
15	Hồ Công Đức, 6/4/1984	042084101469, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			3610000619	Chủ nghĩa xã hội khoa học
16	Nguyễn Quỳnh Hương, 11/10/1992	001192043529, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			0131201105	Chủ nghĩa xã hội khoa học
17	Nguyễn Thị Liên, 30/07/1992	030192019501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X			010120981089	Chủ nghĩa xã hội khoa học
18	Đào Thu Hà, 26/02/1991	001191020174, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Triết học	X			2716040881	Chủ nghĩa xã hội khoa học
19	Bùi Hồng Vạn, 8/9/1958	001058006943, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2002	Sử học	X			198032256	Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Nguyễn Thị Lan Phương, 20/7/1980	001180003481, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Chính trị học	X			109064822	Tư tưởng Hồ Chí Minh
21	Vũ Thị Thu Hà, 29/3/1981	034081012328, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Chính trị học	X			2006003600	Tư tưởng Hồ Chí Minh
22	Ngô Thị Minh Nguyệt, 01/07/1985	040185002100, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hồ Chí Minh học	X			0110139652	Tư tưởng Hồ Chí Minh
23	Ngô Thị Huyền Trang, 18/8/1986	040186011315, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Chính trị học	X			111125233	Tư tưởng Hồ Chí Minh

24	Hoàng Thị Thủy, 01/08/1981	038181010732, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	X		0198032405	Tư tưởng Hồ Chí Minh
25	Vũ Văn Hùng, 13/3/1979	030079008771, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế chính trị	X		0105049904	Nin
26	Hoàng Văn Mạnh, 27/06/1979	001079035686, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	X		0105049909	Nin
27	Đặng Thị Hoài, 20/05/1980	034180008236, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	X		0105038622	Nin
28	Võ Tả Tri, 03/8/1960	042060000222, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế chính trị	X		0198032262	Nin
29	Hoàng Thị Vân, 22/1/1984	038184000204, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế chính trị	X		3808003682	Nin
30	Tống Thế Sơn, 20/1/1995	001095032250, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế chính trị	X		34160769176	Nin
31	Nguyễn Thị Lan Phương, 20/7/1980	001180003481, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Chính trị học	X		109064822	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
32	Hoàng Thị Thắm, 24/08/1983	038183001353, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X		4010110139651	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
33	Nguyễn Ngọc Diệp, 07/03/1983	001183040764, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Lịch sử Việt Nam	X		0114174147	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
34	Vũ Thị Thu Hà, 29/3/1981	034081012328, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Chính trị học	X		2006003600	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
35	Lê Văn Nguyễn, 10/02/1989	0330890000300, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X		3321205091	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
36	Hoàng Thị Thủy, 01/08/1981	038181010732, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Lịch sử Việt Nam	X		0198032405	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
37	Nguyễn Thị Thủy Chung, 26/01/1980	024180015172, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Ngon ngữ Anh	X		0105049912	Tiếng Anh 1
38	Phạm Thủy Giang, 26/11/1981	001181025629, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngon ngữ Anh	X		0105049935	Tiếng Anh 1
39	Nguyễn Thị Thủy Hạnh, 31/01/1980	040180000256, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Ngon ngữ Anh	X		2903008904	Tiếng Anh 1
40	Hoàng Thu Ba, 31/03/1985	001185022026, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngon ngữ Anh	X		0110139578	Tiếng Anh 1
41	Trần Thị Thu Hiền, 07/07/1985	036185006509, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngon ngữ Anh	X		0110139643	Tiếng Anh 1
42	Nguyễn Thị Thanh Hà, 4/3/1987	001187009230, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Ngon ngữ Anh	X		0111125234	Tiếng Anh 1
43	Đỗ Thị Bích Đào, 15/06/1988	036188004810, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0111178180	Tiếng Anh 1
44	Dương Thị Hồng Thắm, 3/1/1987	001187018095, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0111178181	Tiếng Anh 1
45	Lý Kiều Hạnh, 14/07/1983	036183008416, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0109064857	Tiếng Anh 1
46	Nguyễn Thị Phương Lý, 30/04/1974	024174014927, Việt Nam	Thạc sĩ, Úc, 2008	Ngon ngữ Anh	X		2196021768	Tiếng Anh 1
47	Triều Thị Trang, 04/02/1977	017177000087, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngon ngữ Anh	X		0111229430	Tiếng Anh 1
48	Phạm Minh Hồng, 14/1/1976	001176040648, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Ngon ngữ Anh	X		6001000630	Tiếng Anh 1
49	Lê Thị Tuyết Nga, 06/01/1982	036182019689, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngon ngữ học	X		6005001191	Tiếng Anh 1
50	Phí Minh Tuấn, 02/11/1991	001091007835, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2017	Ngon ngữ Anh	X		0130282984	Tiếng Anh 1
51	Phạm Thị Tuấn, 03/03/1991	035191000813, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0115142019	Tiếng Anh 1
52	Nguyễn Thị Thủy Chinh, 02/12/1988	001188045334, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngon ngữ Anh	X		0113050406	Tiếng Anh 1
53	Nguyễn Thị Thùy Chung, 26/01/1980	024180015172, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Ngon Ngữ Anh	X		0105049912	Tiếng Anh 2
54	Phạm Thùy Giang, 26/11/1981	001181025629, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngon ngữ Anh	X		0105049935	Tiếng Anh 2
55	Nguyễn Thị Thủy Hạnh, 3/1/01/1980	040180000256, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Ngon ngữ Anh	X		2903008904	Tiếng Anh 2
56	Hoàng Thu Ba, 31/03/1985	001185022026, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngon ngữ Anh	X		0110139578	Tiếng Anh 2
57	Trần Thị Thu Hiền, 07/07/1985	036185006509, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngon ngữ Anh	X		0110139643	Tiếng Anh 2
58	Nguyễn Thị Thanh Hà, 4/3/1987	001187009230, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Ngon ngữ Anh	X		0111125234	Tiếng Anh 2
59	Đỗ Thị Bích Đào, 15/06/1988	036188004810, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0111178180	Tiếng Anh 2
60	Dương Thị Hồng Thắm, 3/1/1/1987	001187018095, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngon ngữ Anh	X		0111178181	Tiếng Anh 2

61	Lý Kiều Hạnh, 14/07/1983	036183008416, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	X		0109064857	Tiếng Anh 2
62	Nguyễn Thị Phương Lý, 30/04/1974	024174014927, Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2008	Ngôn ngữ Anh	X		2196021768	Tiếng Anh 2
63	Triệu Thị Trang, 04/02/1977	017177000087, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh	X		0111229430	Tiếng Anh 2
64	Phạm Minh Hồng, 14/11/1976	001176040648, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ Anh	X		6001000630	Tiếng Anh 2
65	Lê Thị Tuyết Nga, 06/01/1982	036182019689, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ học	X		6005001191	Tiếng Anh 2
66	Phí Minh Tuấn, 02/11/1991	001091007835, Việt Nam		Thạc sĩ, Anh, 2017	Ngôn ngữ Anh	X		0130282984	Tiếng Anh 2
67	Phạm Thị Tuấn, 03/03/1991	035191000813, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	X		0115142019	Tiếng Anh 2
68	Nguyễn Thị Thủy Chinh, 02/12/1988	001188045334, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngôn ngữ Anh	X		113050406	Tiếng Anh 2
69	Phạm Thị Xuân Hà, 30/10/1981	001181017443, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ Anh	X		0109064863	Tiếng Anh 3
70	Trần Thị Bích Lan, 21/02/1978	001178029702, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	X		0103001114	Tiếng Anh 3
71	Hoàng Thị Thủy, 26/10/1970	020170000088, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	X		0198032505	Tiếng Anh 3
72	Trần Trung Dũng, 01/07/1981	042081011051, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Ngôn ngữ Anh	X		3004003860	Tiếng Anh 3
73	Phạm Thị Phương, 12/04/1984	022184000031, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ Anh	X		0110139580	Tiếng Anh 3
74	Trần Anh Thư, 25/01/1985	001185023351, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Ngôn ngữ Anh	X		0110139581	Tiếng Anh 3
75	Phạm Thị Tố Loan, 22/07/1984	040184019098, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	X		0110139582	Tiếng Anh 3
76	Lương Thị Minh Phương, 03/5/1985	001185023182, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ Anh	X		0110139641	Tiếng Anh 3
77	Hà Thị Vũ Hà, 16/10/1987	001187046057, Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2012	Ngôn ngữ Anh	X		0111125235	Tiếng Anh 3
78	Nguyễn Thị Bích Ngọc, 8/9/1985	035185003507, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	X		3508002037	Tiếng Anh 3
79	Hoàng Thị Anh Thơ, 7/8/1988	030188008628, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ Anh	X		0111178184	Tiếng Anh 3
80	Hán Thị Bích Ngọc, 25/10/1988	025188006277, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Ngôn ngữ Anh	X		0111178183	Tiếng Anh 3
81	Trần Lan Hương, 01/07/1987	025187000036, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Ngôn ngữ Anh	X		0111178182	Tiếng Anh 3
82	Phạm Quang Trúc, 25/03/1989	031089023934, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ Anh	X		0113091701	Tiếng Anh 3
83	Bùi Thị Thanh Lan, 06/10/1986	034186000062, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	X		9810503217	Tiếng Anh 3
84	Trần Thị Mỹ Linh, 11/08/1993	001193033096, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Ngôn ngữ Anh	X		0121626987	Tiếng Anh 3
85	Mai Tuyết Nhung, 22/10/1986	035186012820, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Ngôn ngữ Anh	X		0112075703	Tiếng Anh 3
86	Nguyễn Thị Hằng, 01/07/1989	027189000930, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Ngôn ngữ Anh	X		0105049920	Tiếng Anh 3
87	Nguyễn Thị Thu Hằng, 29/07/1990	001190010369, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	X		0126167340	Tiếng Anh 3
88	Vũ Thị Hoài, 16/09/1989	001189019081, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	X		0111059944	Tiếng Anh 3
89	Đào Phương Linh, 05/01/1997	001197015095, Việt Nam		Thạc sĩ, Anh, 2020	Ngôn ngữ Anh	X		0121396581	Tiếng Anh 3
90	Nguyễn Thị Thu Thủy, 17/09/1973	024173009843, Việt Nam	PGS, 2020	Tiến sĩ, Anh, 2010	Khoa học máy tính	X		0198032406	Tin học quản lý
91	Nguyễn Hưng Long, 15/11/1969	001069003204, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Công nghệ thông tin	X		198032295	Tin học quản lý
92	Đình Thị Hà, 10/09/1983	040183004542, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Toán học	X		0110139575	Tin học quản lý
93	Cù Nguyễn Giáp, 11/02/1984	025084001519, Việt Nam		Thạc sĩ, Bỉ, 2012	Khoa học máy tính	X		110139574	Tin học quản lý
94	Nghiêm Thị Lịch, 07/02/1985	027185000156, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Khoa học máy tính	X		111125245	Tin học quản lý
95	Nguyễn Thị Vân Trang, 12/02/1987	035187002844, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	X		3510008277	Tin học quản lý
96	Đỗ Thị Thanh Tâm, 14/12/1985	034185021440, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	X		3411006047	Tin học quản lý
97	Lê Tiến Đạt, 15/09/1982	001082022291, Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2015	Quản trị kinh doanh	X		109064828	Phương pháp nghiên cứu khoa học
98	Phạm Thị Minh Uyên, 01/01/1984	031184021438, Việt Nam		Tiến sĩ, Pháp, 2014	Kinh tế tri thức	X		0109064890	Phương pháp nghiên cứu khoa học
99	Nguyễn Nguyệt Nga, 1/8/1981	001181046318, Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2009	Quản lý môi trường	X		4010105049939	Phương pháp nghiên cứu khoa học

100	Lê Thị Thu, 20/05/1986	03818600008, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Công nghệ thông tin	X			0110139639	Phương pháp nghiên cứu khoa học
101	Vũ Trọng Nghĩa, 21/1/1983	031083001942, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	X			110139566	Phương pháp nghiên cứu khoa học
102	Nguyễn Đắc Thành 27/08/1987	027087014596, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X			401011178196	Phương pháp nghiên cứu khoa học
103	Vũ Thị Thủy Linh, 26/10/1988	019188011645, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	X			111178161	Phương pháp nghiên cứu khoa học
104	Phan Thế Công, 03/07/1976	040076000229, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X			100028807	Kinh tế vi mô 1
105	Nguyễn Thị Thu Hiền, 05/01/1977	030177007198, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	X			100028797	Kinh tế vi mô 1
106	Lê Mai Trang, 8/3/1977	001177001441, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Quản lý kinh tế	X			0103001103	Kinh tế vi mô 1
107	Vũ Thị Thanh Huyền, 08/05/1986	034186020379, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế phát triển	X			110139629	Kinh tế vi mô 1
108	Nguyễn Ngọc Quỳnh, 31/8/1981	001181032500, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh doanh thương mại	X			4010110139577	Kinh tế vi mô 1
109	Hoàng Anh Tuấn, 12/03/1984	036084002719, Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2020	Kinh tế học	X			110139630	Kinh tế vi mô 1
110	Ninh Thị Hoàng Lan, 23/10/1979	001179005300, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Quản lý kinh tế	X			105049927	Kinh tế vi mô 1
111	Hồ Thị Mai Sương, 02/4/1986	040186010991, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X			110139625	Kinh tế vi mô 1
112	Vũ Ngọc Tú, 16/06/1986	022085010501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X			0111125232	Kinh tế vi mô 1
113	Ngô Hải Thanh, 13/10/1983	001183033314, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Chính sách công	X			109064891	Kinh tế vi mô 1
114	Đỗ Thị Thanh Huyền, 17/7/1986	031186000716, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X			111125252	Kinh tế vi mô 1
115	Lương Nguyệt Ánh, 21/08/1986	031186003157, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X			110139626	Kinh tế vi mô 1
116	Nguyễn Thị Lê, 26/07/1987	027187000564, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X			111125231	Kinh tế vi mô 1
117	Trần Kim Anh, 12/01/1989	034189000045, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	X			111178171	Kinh tế vi mô 1
118	22/02/1988	001188034867, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	X			0110139552	Kinh tế vi mô 1
119	Nguyễn Thị Yến Hạnh, 14/03/1990	017190000794, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh doanh thương mại	X			9814503525	Kinh tế vi mô 1
120	Nguyễn Minh Quang, 02/05/1988	001088033953, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế học	X			0111178172	Kinh tế vi mô 1
121	Đặng Thị Thanh Bình 15/10/1988	001188046235, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	X			0111178152	Kinh tế vi mô 1
122	Phan Thế Công, 03/07/1976	040076000229, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X			100028807	Kinh tế vi mô 1
123	Nguyễn Thị Thu Hiền, 05/01/1977	030177007198, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	X			100028797	Kinh tế vi mô 1
124	Lê Mai Trang, 8/3/1977	001177001441, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Quản lý kinh tế	X			0103001103	Kinh tế vi mô 1
125	Vũ Thị Thanh Huyền, 08/05/1986	034186020379, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	X			110139629	Kinh tế vi mô 1
126	Nguyễn Ngọc Quỳnh, 31/8/1981	001181032500, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế phát triển	X			4010110139577	Kinh tế vi mô 1
127	Hoàng Anh Tuấn, 12/03/1984	036084002719, Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2020	Kinh doanh thương mại	X			110139630	Kinh tế vi mô 1
128	Ninh Thị Hoàng Lan, 23/10/1979	001179005300, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Kinh tế học	X			105049927	Kinh tế vi mô 1
129	Hồ Thị Mai Sương, 02/4/1986	040186010991, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X			110139625	Kinh tế vi mô 1
130	Vũ Ngọc Tú, 16/06/1986	022085010501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X			0111125232	Kinh tế vi mô 1
131	Ngô Hải Thanh, 13/10/1983	001183033314, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Chính sách công	X			109064891	Kinh tế vi mô 1
132	Đỗ Thị Thanh Huyền, 17/7/1986	031186000716, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X			111125252	Kinh tế vi mô 1
133	Lương Nguyệt Ánh, 21/08/1986	031186003157, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X			110139626	Kinh tế vi mô 1
134	Nguyễn Thị Lê, 26/07/1987	027187000564, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X			111125231	Kinh tế vi mô 1
135	Trần Kim Anh, 12/01/1989	034189000045, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế	X			111178171	Kinh tế vi mô 1
136	22/02/1988	001188034867, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	X			0110139552	Kinh tế vi mô 1
137	Nguyễn Thị Yến Hạnh, 14/03/1990	017190000794, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh doanh thương mại	X			9814503525	Kinh tế vi mô 1
138	Nguyễn Minh Quang, 02/05/1988	001088033953, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế học	X			0111178172	Kinh tế vi mô 1
139	Đặng Thị Thanh Bình 15/10/1988	001188046235, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	X			0111178152	Kinh tế vi mô 1

140	Tạ Thị Vân Hà, 11/11/1975	001175003631, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Triết học	X	2299057153	Logic học
141	Nguyễn Quỳnh Hương, 11/10/1992	001192043529, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	X	0131201105	Logic học
142	Đào Thu Hà, 26/02/1991	001191020174, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Triết học	X	2716040881	Logic học
143	Vũ Thị Như Quỳnh, 02/12/1982	001182034352, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh doanh thương mại	X	0111178159	Khởi sự kinh doanh
144	Nguyễn Khắc Nghĩa, 15/03/1970	001070030053, Việt Nam	Tiến sĩ, Đài loan, 2013	Kinh tế phát triển	X	0198032319	Khởi sự kinh doanh
145	Đào Thị Phương Mai, 12/9/1986	022186009773, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Thương mại	X	0111125201	Khởi sự kinh doanh
146	Nguyễn Thị Thanh Tâm, 16/02/1984	038184000607, Việt Nam	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	X	0110139549	Khởi sự kinh doanh
147	Nguyễn Ngọc Hưng, 03/04/1985	036085027421, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh doanh thương mại	X	111125200	Khởi sự kinh doanh
148	Nguyễn Ngọc Dương, 12/10/1987	001087025548, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X	0111178157	Khởi sự kinh doanh
149	Trịnh Thị Nhuận, 16/08/1988	034188002484, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	0111178158	Khởi sự kinh doanh
150	Vũ Quỳnh Anh, 13/07/1995	001195001488, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2020	Tài chính	X	0130636966	Khởi sự kinh doanh
151	Chu Đức Trí, 31/08/1996	001096010383, Việt Nam	Thạc sĩ, Singapore, 2020	Quản trị kinh doanh	X	0121709800	Khởi sự kinh doanh
152	Trần Thị Trà My, 20/1/1992	001192042638, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	X	0116343178	Khởi sự kinh doanh
153	Hoàng Cao Cường, 11/07/1978	001078007333, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh doanh thương mại	X	0109064829	Khởi sự kinh doanh
154	14/02/1996	034196010136, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	X	3422603535	Khởi sự kinh doanh
155	Trần Kiều Trang, 29/10/1978	033178008459, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X	0105049898	Khởi sự kinh doanh
156	Lã Tiến Dũng, 15/7/1982	001082009458, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế	X	0110139608	Khởi sự kinh doanh
157	Lương Phúc Thành, 03/12/1973	001073016093, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	X	0198032408	Giáo dục thể chất chung
158	Đình Trà Giang, 04/10/1975	001075007240, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học	X	0198032407	Giáo dục thể chất chung
159	Nguyễn Thị Linh, 20/07/1978	035178000029, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học	X	0103001113	Giáo dục thể chất chung
160	Phan Thanh Hòa, 17/01/1978	027078021780, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	X	0204138002	Giáo dục thể chất chung
161	Kim Xuân Trường, 10/10/1977	035077008838, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	X	6003001540	Giáo dục thể chất chung
162	Bùi Đình Cầu, 2/6/1980	037080001544, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	X	0107008262	Giáo dục thể chất chung
163	Bùi Thăng Long, 05/10/1982	001082033397, Việt Nam	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2012	Quản lý thể dục thể thao	X	0109064854	Giáo dục thể chất chung
164	Trần Đình Luyện, 26/05/1985	036085000721, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam 2010	Quản lý thể dục thể thao	X	0111125247	Giáo dục thể chất chung
165	Nguyễn Đức Tiến, 09/12/1986	035086002764, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Su phạm giáo dục thể chất	X	0111125248	Giáo dục thể chất chung
166	Mai Ngọc Anh, 15/02/1987	001187016821, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	X	0111125246	Giáo dục thể chất chung
167	Nguyễn Văn Sơn, 20/05/1990	036090011467, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học	X	0114065947	Giáo dục thể chất chung
168	Đình Phúc Thành, 03/12/1973	001073016093, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	X	0198032408	Cờ vua
169	Kim Xuân Trường, 04/10/1975	001075007240, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học	X	0198032407	Cờ vua
170	Nguyễn Thị Linh, 10/10/1977	035077008838, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	X	6003001540	Cờ vua
171	Nguyễn Thị Linh, 20/07/1978	035178000029, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học	X	0103001113	Cờ vua
172	Phan Thanh Hòa, 17/01/1978	027078021780, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	X	0204138002	Cờ vua
173	Đình Thị Thanh Thủy, 30/01/1975	001175033303, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật kinh tế	X	104008411	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
174	Nguyễn Thị Kim Thanh, 11/4/1985	001185004279, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X	4010110139610	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
175	Nguyễn Thị Vinh Hương, 11/9/1985	035185005463, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	X	0109064877	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
176	Trần Thị Nguyệt, 26/01/1983	36183001280, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X	0111125239	Luật dân sự 1
177	Đỗ Thị Hoa, 29/12/1985	027185012730, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng	X	0111125238	Luật dân sự 1
178	Nguyễn Thị Vinh Hương, 11/9/1985	035185005463, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Dân sự	X	0109064877	Luật dân sự 1
179	Trần Thị Nguyệt, 26/01/1983	36183001280, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X	0111125239	Luật dân sự 2

180	Đỗ Thị Hoa, 29/12/1985	027185012730, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	X		0111125238	Luật dân sự 2
181	Nguyễn Thị Vinh Hương, 11/9/1985	035185005463, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	X		0109064877	Luật dân sự 2
182	Đinh Thị Ngọc Hà, 02/01/1982	036182002275, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	nước và pháp luật	X		6006000264	Luật hiến pháp
183	Phạm Minh Quốc, 06/04/1975	001075008188, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Luật kinh tế	X		0198032409	Luật hiến pháp
184	Đinh Thị Thanh Thủy, 30/01/1975	001175033503, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật kinh tế	X		104008411	Luật hành chính
185	Đinh Thị Ngọc Hà, 02/01/1982	036182002275, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	X		6006000264	Luật hành chính
186	Nguyễn Thị Lan Phương, 28/01/1978	031178002762, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Nghôn ngữ Anh	X		103001108	Tiếng Anh thương mại 1
187	Phan Tú Lan 26/5/1970	020170005537, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Nghôn ngữ Anh	X		41520198032404	Tiếng Anh thương mại 1
188	Nguyễn Bích Hồng, 7/8/1981	001181020342, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Nghôn ngữ Anh	X		1090064820	Tiếng Anh thương mại 1
189	Vũ Thị Hạnh, 22/7/1977	034177000018, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		4010510400573	Tiếng Anh thương mại 1
190	Vũ Thị Thanh Hoa, 26/01/1983	034183004218, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Nghôn ngữ Anh	X		111125236	Tiếng Anh thương mại 1
191	Nguyễn Quỳnh Anh, 20/10/1987	017187000173, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Nghôn ngữ Anh	X		113062682	Tiếng Anh thương mại 1
192	Đỗ Diệp Linh, 17/3/1984	001184006278, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Nghôn ngữ Anh	X		112106562	Tiếng Anh thương mại 1
193	Nguyễn Thị Trà My, 14/08/1984	001184046814, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Nghôn ngữ Anh	X		111125237	Tiếng Anh thương mại 1
194	03/12/1984	001184046953, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Nghôn ngữ Anh	X		1090064885	Tiếng Anh thương mại 1
195	Phạm Thị Phương Liên, 28/01/1983	036183020380, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Nghôn ngữ Anh	X		110121391	Tiếng Anh thương mại 1
196	Nguyễn Thủy Linh, 14/08/1984	002184000078, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		0103001100	Tiếng Anh thương mại 1
197	Lê Thị Phương Mai 15/5/1983	038183000083, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		111178178	Tiếng Anh thương mại 1
198	Vũ Thị Thu Trang, 16/02/1988	036188807971, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Nghôn ngữ Anh	X		111178179	Tiếng Anh thương mại 1
199	Đặng Thị Khánh Hà, 26/03/1985	024185007647, Việt Nam	Thạc sĩ Mỹ, 2011	Nghôn ngữ Anh	X		1088072169	Tiếng Anh thương mại 1
200	30/05/1983	031183014227, Việt Nam	Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		112082296	Tiếng Anh thương mại 1
201	Nguyễn Quỳnh Mai, 07/05/1994	001194024116, Việt Nam	Thạc sĩ Việt Nam, 2021	Nghôn ngữ Anh	X		116261189	Tiếng Anh thương mại 1
202	Bùi Việt Thu 0/09/1985	001185003734, Việt Nam	Thạc sĩ Việt Nam, 2022	Nghôn ngữ Anh	X		110139598	Tiếng Anh thương mại 1
203	Đàm Thị Hồng Nhung, 08/10/1991	027191000773, Việt Nam	Thạc sĩ Úc, 2020	Nghôn ngữ Anh	X		0116068685	Tiếng Anh thương mại 1
204	Bùi Thị Thu Trang, 05/12/1989	034189001609, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Nghôn ngữ Anh	X		113065546	Tiếng Anh thương mại 1
205	Nguyễn Thị Lan Phương, 28/01/1978	031178002762, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Nghôn ngữ Anh	X		103001108	Tiếng Anh thương mại 2
206	Phan Tú Lan 26/5/1970	020170005537, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	X		41520198032404	Tiếng Anh thương mại 2
207	Nguyễn Bích Hồng, 7/8/1981	001181020342, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Nghôn ngữ Anh	X		109064820	Tiếng Anh thương mại 2
208	Vũ Thị Hạnh, 22/7/1977	034177000018, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		4010510400573	Tiếng Anh thương mại 2
209	Vũ Thị Thanh Hoa, 26/01/1983	034183004218, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Nghôn ngữ Anh	X		111125236	Tiếng Anh thương mại 2
210	Nguyễn Quỳnh Anh, 20/10/1987	017187000173, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Nghôn ngữ Anh	X		113062682	Tiếng Anh thương mại 2
211	Đỗ Diệp Linh, 17/3/1984	001184006278, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Nghôn ngữ Anh	X		112106562	Tiếng Anh thương mại 2
212	Nguyễn Thị Trà My, 14/08/1984	001184046814, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Nghôn ngữ Anh	X		111125237	Tiếng Anh thương mại 2
213	03/12/1984	001184046953, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Nghôn ngữ Anh	X		109064885	Tiếng Anh thương mại 2
214	Phạm Thị Phương Liên, 28/01/1983	036183020380, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Nghôn ngữ Anh	X		110121391	Tiếng Anh thương mại 2
215	Nguyễn Thùy Linh, 14/08/1984	002184000078, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		0103001100	Tiếng Anh thương mại 2
216	Lê Thị phương mai 15/5/1983	038183000083, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		111178178	Tiếng Anh thương mại 2
217	Vũ Thị Thu Trang, 16/02/1988	036188807971, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Nghôn ngữ Anh	X		111178179	Tiếng Anh thương mại 2
218	Đặng Thị Khánh Hà, 26/03/1985	024185007647, Việt Nam	Thạc sĩ Mỹ, 2011	Nghôn ngữ Anh	X		108072169	Tiếng Anh thương mại 2
219	30/05/1983	031183014227, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Nghôn ngữ Anh	X		112082296	Tiếng Anh thương mại 2
220	Nguyễn Quỳnh Mai, 07/05/1994	001194024116, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Nghôn ngữ Anh	X		116261189	Tiếng Anh thương mại 2

221	Bùi Việt Thu 0/09/1985	001185003734, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Ngôn ngữ Anh	X	110139598	Tiếng Anh thương mại 2
222	Đàm Thị Hồng Nhung, 08/10/1991	027191000773, Việt Nam	Thạc sĩ, Úc, 2020	Ngôn ngữ Anh	X	4010116068685	Tiếng Anh thương mại 2
223	Bùi Thị Thu Trang, 05/12/1989	034189001609, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ Anh	X	113065546	Tiếng Anh thương mại 2
224	Trần Thị Hoàng Hà, 12/05/1977	001177008306, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X	0100028804	Quản trị học
225	Nguyễn Thị Thanh Nhân, 22/05/1969	031169000452, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh doanh thương mại	X	0198032208	Quản trị học
226	Phạm Trung Tiến, 07/12/1978	001078048787, Việt Nam	Tiến sĩ, Australia, 2020	Quản trị kinh doanh	X	103001118	Quản trị học
227	Nguyễn Thanh Hải, 7/3/1976	001076002880, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X	0100028792	Quản trị học
228	Dương Thị Thủy Nương, 26/7/1982	014182009811, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh doanh thương mại	X	4010109064844	Quản trị học
229	Đào Hồng Hạnh, 22/08/1982	034182016978, Việt Nam	Thạc sĩ, Pháp, 2007	Du lịch	X	0110139606	Quản trị học
230	Trịnh Đức Duy 22/08/1986	37086000002, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X	111125199	Quản trị học
231	Nguyễn Thị Quỳnh Mai, 07/01/1985	001185044663, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	111178160	Quản trị học
232	Chu Thị Hà, 15/02/1978	036178011416, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị Kinh doanh	X	6001001054	Quản trị học
233	Nguyễn Minh Trang, 17/02/1993	001193030371, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh quốc, 2016	Quản trị kinh doanh	X	0110139590	Quản trị học
234	Lê Thị Tú Anh, 20/09/1992	034192015450, Việt Nam	Thạc sĩ, Pháp, 2015	Kinh tế học	X	131117172	Quản trị học
235	07/10/1991	34191012681, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	X	2614006621	Quản trị học
236	Nguyễn Thị Thu Hà 30/7/1983	026183034788, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh tế	X	110139593	Quản trị học
237	Nguyễn Thu Hà, 28/06/1995	001195022178, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	X	122369540	Quản trị học
238	Ngô Thế Sơn, 04/08/1992	001092003187, Việt Nam	Tiến sĩ, Anh, 2022	Quản trị kinh doanh	X	121069977	Quản trị học
239	Trần Văn Trang, 26/09/1977	027077000315, Việt Nam	Tiến sĩ, Pháp, 2010	Quản trị kinh doanh	X	0105048897	Quản trị nhân lực căn bản
240	Nguyễn Thị Minh Nhân, 24/8/1976	031176003255, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Quản lý kinh tế	X	0100028794	Quản trị nhân lực căn bản
241	Mai Thanh Lan, 28/09/1976	001176055786, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X	0100028805	Quản trị nhân lực căn bản
242	Nguyễn Thị Liên, 18/03/1978	001178058115, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh thương mại	X	0109064835	Quản trị nhân lực căn bản
243	Trịnh Minh Đức, 13/08/1978	0111958330, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế	X	0110139607	Quản trị nhân lực căn bản
244	Bùi Thị Thu Hà, 09/10/1986	001186034148, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	X	0111125204	Quản trị nhân lực căn bản
245	Vũ Thị Minh Xuân, 13/8/1986	033186001550, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Thương mại	X	0110139609	Quản trị nhân lực căn bản
246	Nguyễn Thị Tú Quỳnh, 03/08/1987	034187011990, Việt Nam	Thạc sĩ, Úc, 2015	Quản trị nhân lực	X	0111125206	Quản trị nhân lực căn bản
247	Ngô Thị Mai, 06/10/1988	027188002866, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X	0111178198	Quản trị nhân lực căn bản
248	Trần Văn Tuệ, 20/10/1986	040086025392, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	X	0111178200	Quản trị nhân lực căn bản
249	Lại Quang Huy, 14/02/1988	034088004832, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	X	0114163021	Quản trị nhân lực căn bản
250	Lê Thị Hiền, 19/12/1987	001187007440, Việt Nam	Thạc sĩ, Đài Loan, 2011	Quản trị kinh doanh	X	0112247236	Quản trị nhân lực căn bản
251	Bùi Khánh Linh, 19/06/1997	001197001084, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	X	0120793801	Quản trị nhân lực căn bản
252	Đoàn Huy Hoàng, 29/11/1995	001095029592, Việt Nam	Thạc sĩ, Đài Loan, 2019	Quản trị nhân lực	X	0122334995	Quản trị nhân lực căn bản
253	Trần Thị Nguyệt, 26/01/1983	36183001280, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X	0111125239	Luật sư民法 học và pháp
254	Nguyễn Thị Kim Thanh, 11/4/1985	001185004279, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X	4010110139610	Luật sư民法 học và pháp
255	Phạm Minh Quốc, 06/04/1975	001075008188, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Luật kinh tế	X	0198032409	Luật hình sự
256	Đình Thị Ngọc Hà, 02/01/1982	036182002275, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	X	6006000264	Luật hình sự
257	Trần Hạnh Linh, 27/01/1993	036193001166, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Luật quốc tế	X	0115142747	Luật hình sự
258	Nguyễn Trần Hưng, 10/12/1980	022080000246, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh doanh thương mại	X	110139573	Thương mại điện tử căn bản
259	Vũ Thị Thủy Hằng, 08/11/1986	033186000070, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X	111125209	Thương mại điện tử căn bản
260	Lê Xuân Cù, 06/08/1987	048087003338, Việt Nam	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2020	Quản trị kinh doanh	X	111125208	Thương mại điện tử căn bản
261	Chữ Bá Quyết, 26/10/1976	001076011291, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh thương mại	X	0105049926	Thương mại điện tử căn bản
262	Trần Thị Huyền Trang, 17/06/1988	036188018224, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	0111178174	Thương mại điện tử căn bản
263	Trần Thị Huyền Trang, 17/06/1988	036188018224, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	0111178174	Thương mại điện tử căn bản

264	Lê Duy Hải, 27/11/1986	001086032054, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X		0111178173	Thương mại điện tử căn bản
265	Hoàng Hải Hà, 05/04/1988	031188004599, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X		0111178176	Thương mại điện tử căn bản
266	Lê Thị Hoài, 05/02/1984	038184000757, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X		0111178177	Thương mại điện tử căn bản
267	Nguyễn Phan Anh, 23/06/1985	027085009914, Việt Nam	Thạc sĩ, Pháp, 2012	Quản trị kinh doanh	X		0110139634	Thương mại điện tử căn bản
268	Nguyễn Bình Minh, 20/09/1973	001073036162, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh doanh thương mại	X		6603461433	Thương mại điện tử căn bản
269	Nguyễn Minh Đức, 25/03/1987	001087011174, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh doanh thương mại	X		0111178175	Thương mại điện tử căn bản
270	Vũ Thị Hải Lý, 10/08/1987	031187012122, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh thương mại	X		0108083327	Thương mại điện tử căn bản
271	Lê Việt Hưng 16/06/1992	001092042560, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2016	Quản trị kinh doanh	X		0116387172	Thương mại điện tử căn bản
272	Dương Hoàng Anh, 04/11/1977	001077040703, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý kinh tế	X		0103001115	Thương mại điện tử căn bản
273	Vũ Tam Hoà, 02/06/1977	036077011541, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	X		4018601001207	Thương mại điện tử căn bản
274	Vũ Thị Hồng Phượng, 26/04/1977	022177000215, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản lý kinh tế	X		0103001104	Thương mại điện tử căn bản
275	Nguyễn Minh Phương, 11/12/1978	011931246, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Quản lý kinh tế	X		0103001116	Thương mại điện tử căn bản
276	Thái Thu Hương, 16/04/1982	001182050665, Việt Nam	Thạc sĩ, Nhật Bản, 2013	Quản lý kinh tế	X		0105049929	Thương mại điện tử căn bản
277	15/11/1984	036184002252, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý kinh tế	X		0110139576	Thương mại điện tử căn bản
278	Phạm Thị Dư, 15/08/1986	034186004078, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X		401 0110139628	Thương mại điện tử căn bản
279	Đặng Hoàng Anh/11/6/1986	001186006092, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế thương mại	X		001186006092	Thương mại điện tử căn bản
280	Ngô Ngân Hà, 06/06/1988	019188006939, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản lý kinh tế	X		0111178168	Thương mại điện tử căn bản
281	Lê Như Quỳnh, 04/04/1986	038186000426, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kinh tế quốc tế	X		0111178169	Thương mại điện tử căn bản
282	Nguyễn Thị Nguyệt, 04/08/1987	113311332, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X		0131075131	Thương mại điện tử căn bản
283	Lê Thị Kim Nhung, 07/07/1967	044167000483, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Tài chính ngân hàng	X		0198032285	Thương mại điện tử căn bản
284	Vũ Xuân Dũng, 04/04/1973	036073004676, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Quản lý kinh tế	X		0198032289	Thương mại điện tử căn bản
285	Nguyễn Thị Minh Hạnh, 19/12/1973	019173005721, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X		0198064602	Thương mại điện tử căn bản
286	Nguyễn Thanh Huyền, 01/03/1977	001177038731, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	X		0103001099	Thương mại điện tử căn bản
287	Nguyễn Thủy Linh, 04/03/1976	001176055892, Việt Nam	Thạc sĩ, Đài loan, 2008	Quản trị kinh doanh	X		0103001100	Thương mại điện tử căn bản
288	Đỗ Thị Diên, 06/01/1982	034182024120, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh doanh thương mại	X		0109064827	Thương mại điện tử căn bản
289	Lê Hà Trang, 12/01/1984	040184022443, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	X		0110139558	Thương mại điện tử căn bản
290	Trần Thị Thu Trang, 21/12/1986	001186027341, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Tài chính ngân hàng	X		0110139633	Thương mại điện tử căn bản
291	Lê Thanh Huyền, 24/04/1987	036187000509, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Tài chính ngân hàng	X		0111125228	Thương mại điện tử căn bản
292	Nguyễn Hương Giang, 03/10/1990	001190049055, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Tài chính ngân hàng	X		0113152497	Thương mại điện tử căn bản
293	Lê Thủy Dương, 18/12/1993	038193012558, Việt Nam	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2020	Tài chính	X		0116065460	Thương mại điện tử căn bản
294	Trần Thị Hải Yến, 21/02/1995	035195008973, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2019	Tài chính ngân hàng	X		3521224466	Thương mại điện tử căn bản
295	Nguyễn Minh Hiền, 26/07/1997	001197024940, Việt Nam	Thạc sĩ, Pháp, 2020	Tài chính	X		0120817993	Thương mại điện tử căn bản
296	Lê Xuân Cù, 06/08/1987	048087003338, Việt Nam	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2020	Quản trị kinh doanh	X		111125208	Thương mại điện tử căn bản
297	Vũ Thị Thuý Hằng, 08/11/1986	033186000070, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X		111125209	Thương mại điện tử căn bản
298	Trần Thị Huyền Trang, 17/06/1988	036188018224, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X		111178174	Thương mại điện tử căn bản
299	Hoàng Hải Hà, 05/04/1988	031188004599, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X		111178176	Thương mại điện tử căn bản
300	Lê Việt Hưng 16/06/1992	001092042560, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2016	Quản trị kinh doanh	X		116387172	Thương mại điện tử căn bản
301	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	0401770008680, Việt Nam	Tiến sĩ, Pháp, 2007	Luật kinh tế	X		0109064901	Thương mại điện tử căn bản
302	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	X		0105049913	Thương mại điện tử căn bản

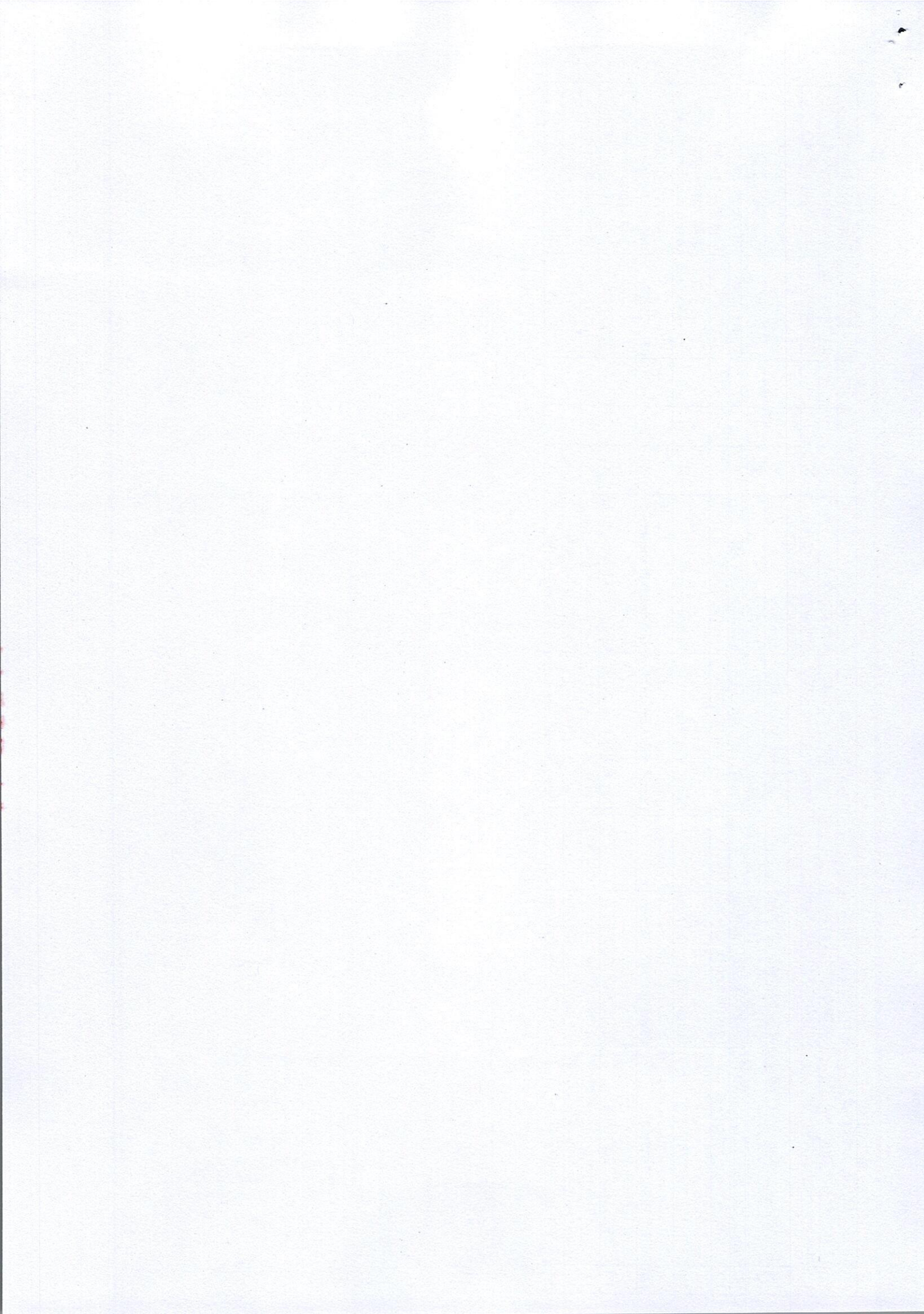
303	Đỗ Phương Thảo, 25/8/1985	001185043671, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0110139548	Luật kinh tế 1
304	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	Luật học	X	0110139612	Luật kinh tế 1
305	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	Kinh tế	X	0131075131	Luật kinh tế 1
306	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	Luật học	X	0111125241	Luật kinh tế 1
307	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X	0111178187	Luật kinh tế 1
308	Trần Ngọc Diệp, 19/10/1988	001188025494, Việt Nam	thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111178186	Luật kinh tế 1
309	Nguyễn Thái Trường, 23/12/1988	040088016937, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111178188	Luật kinh tế 1
310	Nguyễn Thị Ngọc Tú, 04/06/1991	001191013306, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật học	Luật học	X	0114028923	Luật kinh tế 1
311	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	2521611154	Luật kinh tế 1
312	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	040177008680, Việt Nam	Tiến sĩ, Pháp, 2007	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0109064901	Luật kinh tế 2
313	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0105049913	Luật kinh tế 2
314	Đỗ Phương Thảo, 25/8/1985	001185043671, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0110139548	Luật kinh tế 2
315	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X	0111178187	Luật kinh tế 2
316	Nguyễn Thái Trường, 23/12/1988	040088016937, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111178188	Luật kinh tế 2
317	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	Luật học	X	0110139612	Luật kinh tế 2
318	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	Luật học	X	0111125241	Luật kinh tế 2
319	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	Kinh tế	X	0131075131	Luật kinh tế 2
320	Trần Ngọc Diệp, 19/10/1988	001188025494, Việt Nam	thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111178186	Luật kinh tế 2
321	Nguyễn Thị Ngọc Tú, 04/06/1991	001191013306, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật học	Luật học	X	0114028923	Luật kinh tế 2
322	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	2521611154	Luật kinh tế 2
323	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	040177008680, Việt Nam	Tiến sĩ, Pháp, 2007	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0109064901	Pháp luật về đầu tư
324	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0105049913	Pháp luật về đầu tư
325	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X	0111178187	Pháp luật về đầu tư
326	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	Kinh tế	X	0131075131	Pháp luật về đầu tư
327	Trần Ngọc Diệp, 19/10/1988	001188025494, Việt Nam	thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111178186	Pháp luật về đầu tư
328	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	2521611154	Pháp luật về đầu tư
329	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0105049913	Luật sở hữu trí tuệ
330	Đỗ Phương Thảo, 25/8/1985	001185043671, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0110139548	Luật sở hữu trí tuệ
331	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X	0111178187	Luật sở hữu trí tuệ
332	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	Kinh tế	X	0131075131	Luật sở hữu trí tuệ
333	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	2521611154	Luật sở hữu trí tuệ
334	Nguyễn Thị Kim Thanh, 11/4/1985	001185004279, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	4010110139610	Pháp luật lao động và an sinh xã hội
335	Trần Thị Nguyệt, 26/01/1983	036183001280, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	0111125239	Pháp luật lao động và an sinh xã hội
336	Đỗ Thị Hoa, 29/12/1985	027185012730, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	X	0111125238	Pháp luật lao động và an sinh xã hội
337	Đình Thị Thanh Thủy, 30/01/1975	001175033303, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật kinh tế	Luật kinh tế	X	104008411	Pháp luật lao động và an sinh xã hội

338	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	X		0105049913	Pháp luật tài chính và ngân hàng
339	Đỗ Phương Thảo, 25/8/1985	001185043671, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X		0110139548	Pháp luật tài chính và ngân hàng
340	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	X		0111125241	Pháp luật tài chính và ngân hàng
341	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	X		0131075131	Pháp luật tài chính và ngân hàng
342	Nguyễn Thái Trường, 23/12/1988	0400888016937, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X		0111178188	Pháp luật tài chính và ngân hàng
343	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	040177008880, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, CH Pháp, 2007	Luật quốc tế	X		4010109064901	Luật thương mại quốc tế
344	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X		0111178187	Luật thương mại quốc tế
345	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	X		0110139612	Luật thương mại quốc tế
346	Trần Ngọc Diệp, 19/10/1988	0011888025494, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X		0111178186	Luật thương mại quốc tế
347	Nguyễn Thái Trường, 23/12/1988	0400888016937, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X		0111178188	Pháp luật môi trường – đất đai
348	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	X		0111125241	Pháp luật môi trường – đất đai
349	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	X		0110139612	Pháp luật môi trường – đất đai
350	Nguyễn Thị Ngọc Tú, 04/06/1991	001191013306, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật học	X		0114028923	Pháp luật môi trường – đất đai
351	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X		2521611154	Pháp luật môi trường – đất đai
352	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	040177008880, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, CH Pháp, 2007	Luật quốc tế	X		HC40101090649	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
353	Nguyễn Thị Tinh, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	X		0105049913	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
354	Phùng Bích Ngọc, 8/8/1986	025186000117, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật dân sự và tố tụng dân sự	X		0111178187	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
355	Đỗ Phương Thảo, 25/8/1985	001185043671, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X		0110139548	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
356	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	X		0110139612	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
357	Trần Ngọc Diệp, 19/10/1988	0011888025494, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X		0111178186	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
358	Đỗ Thị Hoa, 29/12/1985	027185012730, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	X		0111125238	Luật tố tụng dân sự
359	Nguyễn Thị Vĩnh Hương, 11/9/1985	035185005463, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	X		0109064877	Luật tố tụng dân sự
360	Đặng Thị Minh Nguyệt, 17/08/1981	026181012838, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh doanh thương mại	X		0107035043	Thị trường chứng khoán
361	Vũ Ngọc Diệp, 12/07/1977	001177045483, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh doanh thương mại	X		0103001096	Thị trường chứng khoán
362	Nguyễn Thanh Phương, 14/08/1982	019182000145, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính ngân hàng	X		0110139631	Thị trường chứng khoán
363	Đặng Thị Lan Phương, 24/06/1981	034181017062, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản lý kinh tế	X		0107000935	Thị trường chứng khoán

364	Lê Nam Long/ 6/7/1976	040076000494, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế đối ngoại	X	0100028795	Thị trường chứng khoán
365	Lê Đức Tô, 15/11/1985	038085050632, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán tài chính	X	038085050632	Thị trường chứng khoán
366	Nguyễn Anh Thư, 21/02/1993	027193002743, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Tài chính ngân hàng	X	01222500463	Thị trường chứng khoán
367	Nguyễn Bích Ngọc, 18/11/1982	001182070581, Việt Nam		Thạc sĩ, Pháp, 2011	Tài chính ngân hàng	X	0106056405	Thị trường chứng khoán
368	Nguyễn Thái Trường, 23/12/1988	040088016937, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X	0111178188	Luật chứng khoán
369	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	X	0111125241	Luật chứng khoán
370	Hoàng Thanh Giang, 12/08/1985	001185017980, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	X	0110139612	Luật chứng khoán
371	Nguyễn Thị Ngọc Tú, 04/06/1991	001191013306, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Luật học	X	0114028923	Luật chứng khoán
372	Nguyễn Thị Uyên, 09/11/1979	001179034870, Việt Nam		Thạc sĩ, Malaysia, 2019	Quản trị kinh doanh	X	0105049915	Quản trị công ty
373	Lưu Thị Thùy Dương, 30/12/1984	025184000530, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh doanh thương mại	X	0110139571	Quản trị công ty
374	Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt, 17/2/1986	024186000039, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Thương mại	X	01101339635	Quản trị công ty
375	Nguyễn Phương Linh, 10/11/1984	001184006301, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị kinh doanh	X	0109064884	Quản trị công ty
376	Đào Lê Đức, 18/01/1986	001086038500, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	X	0110139637	Quản trị công ty
377	Nguyễn Thị Vân, 05/08/1987	037187001327, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kinh doanh thương mại	X	0111125203	Quản trị công ty
378	Vũ Tuấn Dương, 26/10/1993	031093006906, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X	3122728079	Quản trị công ty
379	Đỗ Thị Bình, 19/07/1980	031180003832, Việt Nam	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	X	0105049930	Quản trị công ty
380	Lê Thị Việt Nga 27/10/1980	008180000294, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế quốc tế	X	4010105049932	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế
381	Mai thanh Huyền, 18/4/1981	001181038052, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kinh doanh thương mại	X	0105049933	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế
382	Phan Thu Trang, 23/12/1985	001185017985, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Thương mại	X	110139622	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế
383	Vũ Anh Tuấn, 31/10/1987	036087000040, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X	0111125227	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế
384	Nguyễn Vi Lê, 25/06/1986	036186019465, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X	0111125226	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế
385	Trần Thị Thu Phương, 27/11/1977	040177008680, Việt Nam	PGS, 2017	Tiến sĩ, CH Pháp, 2007	Luật quốc tế	X	HC401010906494	Luật thương mại điện tử
386	Nguyễn Thị Tình, 11/6/1979	038179015003, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Luật kinh tế	X	0105049913	Luật thương mại điện tử
387	Tạ Thị Thùy Trang, 19/8/1987	017187003555, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật học	X	0111125241	Luật thương mại điện tử
388	Vũ Ngọc Diệp, 12/07/1977	001177045483, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh doanh thương mại	X	0103001096	Luật thương mại điện tử
389	Nguyễn Thị Nguyệt, 17/11/1994	001194007677, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	X	0131075131	Luật thương mại điện tử
390	Nguyễn Phương Đông, 27/10/1996	025096000009, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X	2521611154	Luật thương mại điện tử
391	Trần Thị Hoàng Hà, 12/05/1977	001177008306, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	X	0100028804	Quản trị rủi ro
392	Nguyễn Thị Thanh Nhân, 22/05/1969	031169000452, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh doanh thương mại	X	0198032208	Quản trị rủi ro
393	Phạm Trung Tiến, 07/12/1978	001078048787, Việt Nam		Tiến sĩ, Australia, 2020	Quản trị kinh doanh	X	103001118	Quản trị rủi ro
394	Nguyễn Thanh Hải, 7/3/1976	001076002880, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X	0100028792	Quản trị rủi ro
395	Dương Thị Thủy Nương, 26/7/1982	014182009811, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh doanh thương mại	X	4010109064844	Quản trị rủi ro
396	Đào Hồng Hạnh, 22/08/1982	034182016978, Việt Nam		Thạc sĩ, Pháp, 2007	Du lịch	X	01101 39606	Quản trị rủi ro
397	Trịnh Đức Duy 22/08/1986	37086000002, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X	111125199	Quản trị rủi ro
398	Nguyễn Thị Quỳnh Mai, 07/01/1985	001185044663, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	111178160	Quản trị rủi ro
399	Chu Thị Hà, 15/02/1978	036178011416, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	6001001054	Quản trị rủi ro
400	Nguyễn Minh Trang, 17/02/1993	001193030371, Việt Nam		Thạc sĩ, Anh quốc, 2016	Quản trị kinh doanh	X	0110139590	Quản trị rủi ro
401	Lê Thị Tú Anh, 20/09/1992	034192015450, Việt Nam		Thạc sĩ, Pháp, 2015	Kinh tế học	X	131117172	Quản trị rủi ro
402	07/10/1991	34191012681, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	X	2614006621	Quản trị rủi ro

403	Nguyễn Thị Thu Hà	30/7/1983	026183034788, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh tế	X			110139593	Quản trị rủi ro
404	Nguyễn Thu Hà	28/06/1995	001195022178, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	X			122369540	Quản trị rủi ro
405	Ngô Thế Sơn	04/08/1992	0010922003187, Việt Nam	Tiến sĩ, Anh, 2022	Quản trị kinh doanh	X			121069977	Quản trị rủi ro
406	Trần Thị Thu Hương	19/8/1983	038183000033, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh doanh thương mại	X				Quản trị chuỗi cung ứng
407	Phạm Văn Kiệt	04/01/1983	030083025000, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh doanh thương mại	X			0111153511	Quản trị chuỗi cung ứng
408	Nguyễn Văn Minh	18/01/1961	001061012306, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế	X			0198032204	Quản trị chuỗi cung ứng
409	An Thị Thanh Nhân	13/10/1963	015163000070, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Kinh tế	X			0198032209	Quản trị chuỗi cung ứng
410	Lục Thị Thu Hương	8/1/1968	010168000011, Việt Nam	Tiến sĩ, Thụy sĩ, 2007	Kinh tế & khoa học xã hội	X				Quản trị chuỗi cung ứng
411	Phạm Thị Huyền	10/06/1986	001186035270, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kinh doanh thương mại	X			0111125210	Quản trị chuỗi cung ứng
412	Đoàn Ngọc Ninh	16/08/1984	001084013481, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh thương mại	X			0111125211	Quản trị chuỗi cung ứng
413	Vũ Phương Thảo	24/06/1994	031194012005, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2017	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	X			3116044063	Quản trị chuỗi cung ứng
414	Phạm Thu Trang	24/09/1993	001193004021, Việt Nam	Thạc sĩ, Hungary, 2018	Kinh tế và Kinh doanh quốc tế	X			0115019963	Quản trị chuỗi cung ứng
415	Nguyễn Khắc Huy	27/09/1995	001095023215, Việt Nam	Thạc sĩ, Anh, 2019	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	X			0128904509	Quản trị chuỗi cung ứng
416	Phạm Minh Quốc	06/04/1975	001075008188, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Luật kinh tế	X			0198032409	Pháp luật hợp đồng
417	Trần Thị Nguyệt	26/01/1983	036183001280, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	X			0111125239	Pháp luật hợp đồng
418	Nguyễn Thị Kim Thanh	11/4/1985	001185004279, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật kinh tế	X			4010110139610	Pháp luật hợp đồng
419	Đỗ Thị Hoa	29/12/1985	027185012730, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tố tụng	X			0111125238	Pháp luật hợp đồng
420	Đinh Thị Thanh Thủy	30/01/1975	001175033303, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật kinh tế	X			1044008411	Pháp luật hợp đồng
421	Nguyễn Thị Vinh Hương	11/9/1985	035185005463, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Luật kinh tế	X			0109064877	Pháp luật hợp đồng
422	Đinh Thị Ngọc Hà	02/01/1982	036182002275, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	X			6006000264	Pháp luật hợp đồng
423	Trần Hạnh Linh	27/01/1993	036193001166, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Luật quốc tế	X			0115142747	Pháp luật hợp đồng
424	Dương Hoàng Anh	04/11/1977	001077040703, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý kinh tế	X			0103001115	Nguyên lý quản lý kinh tế
425	Vũ Tam Hoà	02/06/1977	036077011541, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế	X			4018601001207	Nguyên lý quản lý kinh tế
426	Vũ Thị Hồng Phượng	26/04/1977	022177000215, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản lý kinh tế	X			0103001104	Nguyên lý quản lý kinh tế
427	Nguyễn Minh Phương	11/12/1978	0111931246, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Quản lý kinh tế	X			0103001116	Nguyên lý quản lý kinh tế
428	Thái Thu Hương	16/04/1982	001182050665, Việt Nam	Thạc sĩ, Nhật Bản, 2013	Quản lý kinh tế	X			0105049929	Nguyên lý quản lý kinh tế
429	15/11/1984		036184002252, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý kinh tế	X			4010110139576	Nguyên lý quản lý kinh tế
430	Phạm Thị Dư	15/08/1986	034186004078, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý kinh tế	X			0110139628	Nguyên lý quản lý kinh tế
431	Đặng Hoàng Anh	11/6/1986	001186006092, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế thương mại	X			001186006092	Nguyên lý quản lý kinh tế
432	Ngô Ngân Hà	06/06/1988	019188006939, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản lý kinh tế	X			0111178168	Nguyên lý quản lý kinh tế
433	Dương Vũ Hằng Nga	19/08/1990	0341900005811, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	X			3412028039	Nguyên lý quản lý kinh tế
434	Đào Ngọc Hà	17/02/1984	034084006972, Việt Nam	Tiến sĩ kinh tế, Việt Nam, 2	Kế toán	X			0106065592	Kiểm toán cân bán
435	Trần Nguyễn Bích Hiền	28/11/1982	001182034566, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kế toán	X			0129684269	Kiểm toán cân bán
436	Nguyễn Thu Hoài	30/7/1987	040187001360, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Kế toán	X			0110139619	Kiểm toán cân bán
437	Đặng Văn Lương	28/08/1960	042060015603, Việt Nam	Tiến sĩ, Nga, 1998	Thông kế	X				Thống kê kinh doanh
438	Trần Ngọc Trang	25/11/1983	001183048283, Việt Nam	Tiến sĩ, Nga, 2014	Kế toán	X			0114112746	Thống kê kinh doanh
439	Nguyễn Thị Mai	02/12/1987	036187001346, Việt Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	X			111125222	Thống kê kinh doanh
440	Hoàng Thị Tâm	21/07/1981	025181000457, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	X			109092752	Thống kê kinh doanh
441	Phạm Thị Thu Hoài	20/02/1987	019187016326, Việt Nam	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	X			0110139621	Thống kê kinh doanh

442	Tô Thị Vân Anh, 09/09/1987	001187033638, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	X	0111125221	Thống kê kinh doanh
443	Lê Thị Việt Nga 27/10/1980	008180000294, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế quốc tế	X	4010105049932	Kinh doanh quốc tế
444	Mai thanh Huyền, 18/4/1981	001181038052, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kinh doanh thương mại	X	0105049933	Kinh doanh quốc tế
445	Trương Quang Minh, 30/10/1985	052085000402, Việt Nam		Thạc sĩ, Đan Mạch, 2013	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	X	0109074719	Kinh doanh quốc tế
446	Phan Thu Trang, 23/12/1985	001185017985, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Thương mại	X	110139622	Kinh doanh quốc tế
447	Nguyễn Đức Xuân Lâm, 12/01/1996	001096046322, Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2020	Kinh doanh quốc tế	X	0120811174	Kinh doanh quốc tế
448	Lê Hoàng Quỳnh, 22/02/1996	028619600011, Việt Nam		Thạc sĩ, Nhật Bản, 2020	Quản trị kinh doanh	X	0121124351	Kinh doanh quốc tế
449	Lê Thị Việt Nga 27/10/1980	008180000294, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế quốc tế	X	4010105049932	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế
450	Vũ Anh Tuấn, 31/10/1987	036087000040, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X	0111125227	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế
451	Chu Tiến Minh, 16/07/1995	013196649, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế và Kinh doanh quốc	X	0125527426	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế
452	Nguyễn Trần Hưng, 10/12/1980	022080000246, Việt Nam	PGS, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh doanh thương mại	X	110139573	Thanh toán điện tử
453	Trần Thị Huyền Trang, 17/06/1988	036188018224, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	X	111178174	Thanh toán điện tử
454	Lê Xuân Cù, 06/08/1987	048087003338, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2020	Quản trị kinh doanh	X	111125208	Thanh toán điện tử



Bảng 2. Cán bộ hỗ trợ học tập chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế

STT	Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh	Số CMND/CCCD, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Tên ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Loại cán bộ hỗ trợ học tập			Mã số bảo hiểm xã hội
						Cơ hữu	Hợp đồng làm việc toàn thời gian	Hợp đồng làm việc vụ việc	
1	Ngô Thị Quỳnh Chi, 07/11/1969	001169028831, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ	X			0198032343
2	Trần Ngọc Sinh, 05/12/1973	001073008177, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Thương mại	X			0103001086
3	Nguyễn Thị Mỹ Dung 16/2/1977	001177005149, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lí luận và phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	X			4010108051419
4	Vũ Thị Mai Thanh, 04/7/1984	036184000123, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	X			010110139592
5	Đỗ Thị Mai, 27/04/1987	001187031075, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	X			0111178142
6	Trần Thị Hoàn, 27/06/1985	001185007191, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X			4010110139597
7	Nguyễn Tiến Đạo, 03/6/1982	031082007914, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0109064834
8	Nguyễn Thị Hồng Chiêm, 20/11/1979	035179000194, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Thương mại	X			0105049946
9	Lê Đình Thành, 24/01/1994	001094015133, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	X			0131201104
10	Nông Thị Hồng Anh, 2/11/1987	019187000622, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Thương mại	X			0110139584
11	Hoàng Thùy Dương, 7/7/1982	033182006905, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0105049948
12	Nguyễn Thị Hồng Thủy 10/12/1984	001184009362, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0109064894
13	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 15/04/1976	031176004333, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh doanh thương mại	X			0102022286

STT	Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh	Số CMND/CCCD, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Tên ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Loại căn bộ hồ trợ học tập			Mã số bảo hiểm xã hội
						Cơ hữu	Hợp đồng làm việc toàn thời gian	Hợp đồng vụ việc	
14	Đỗ Mạnh Hà, 19/05/1999	034099006744, Việt Nam		Cử nhân, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X			3420178148
15	Vũ Mạnh Quyết, 12/10/1987	017087012554, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X			4010111178141
16	Phạm Thị Nga, 11/07/1986	038186014092, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Báo chí	X			0110139589
17	Nguyễn Thị Hương, 16/7/1983	001183052137, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Thương mại	X			0106066848
18	Trần Thị Thu Thủy, 10/01/1998	035198007898, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Công tác xã hội	X			3520777953

Bảng 3. Cán bộ quản lý chương trình đào tạo từ xa Luật kinh tế

STT	Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh	Số CMND/CCCD, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghề nghiệp	Tên ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Loại cán bộ hỗ trợ học tập			Mã số bảo hiểm xã hội
						Cơ hữu	Hợp đồng làm việc toàn thời gian	Hợp đồng vụ đồng vị việc	
1	Ngô Thị Quỳnh Chi, 07/11/1969	001169028831, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2002	Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ	X			0198032343
2	Trần Ngọc Sinh, 05/12/1973	001073008177, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Thương mại	X			0103001086
3	Nguyễn Thị Mị Dung 16/2/1977	001177005149, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Lí luận và phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	X			4010108051419
4	Vũ Thị Mai Thanh, 04/7/1984	036184000123, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	X			010110139592
5	Đỗ Thị Mai, 27/04/1987	001187031075, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	X			01111178142
6	Trần Thị Hoàn, 27/06/1985	001185007191, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X			4010110139597
7	Nguyễn Tiến Đạo, 03/6/1982	031082007914, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0109064834
8	Nguyễn Thị Hồng Chiêm, 20/11/1979	035179000194, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Thương mại	X			0105049946
9	Lê Đình Thành, 24/01/1994	001094015133, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	X			0131201104
10	Nông Thị Hồng Anh, 2/11/1987	019187000622, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Thương mại	X			0110139584
11	Hoàng Thùy Dương, 7/7/1982	033182006905, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0105049948
12	Nguyễn Thị Hồng Thủy 10/12/1984	001184009362, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	X			0109064894
13	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 15/04/1976	031176004333, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh doanh thương mại	X			0102022286

STT	Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh	Số CMND/CCCD, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghịệp	Tên ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Loại cán bộ hỗ trợ học tập			Mã số bảo hiểm xã hội
						Cơ hữu	Hợp đồng làm việc toàn thời gian	Hợp đồng làm việc vụ	
14	Đỗ Mạnh Hà, 19/05/1999	034099006744, Việt Nam		Cử nhân, Việt Nam, 2021	Luật kinh tế	X			3420178148
15	Vũ Mạnh Quyết, 12/10/1987	017087012554, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh doanh thương mại	X			4010111178141
16	Phạm Thị Nga, 11/07/1986	038186014092, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Báo chí	X			0110139589
17	Nguyễn Thị Hương, 16/7/1983	001183052137, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Thương mại	X			0106066848
18	Trần Thị Thu Thủy, 10/01/1998	035198007898, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Công tác xã hội	X			3520777953

Bảng 4. Học liệu đào tạo từ xa cho chương trình đào tạo Luật kinh tế

Tên chương trình đào tạo từ xa: Luật kinh tế

Tên ngành đào tạo: Luật kinh tế

Mã ngành: 7380107

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
1	Triết học Mác - Lê Nin	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Triết học Mác - Lênin - Tài liệu Hướng dẫn học tập học phần Triết học Mác - Lênin - Trang web bổ trợ: http://www.dangcongsan.cpv.vn http://philosophy.vass.gov.vn/ http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php http://tiasang.com.vn/ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021. 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu Hướng dẫn học tập học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học - Trang web bổ trợ: https://dangcongsan.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021 	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu Hướng dẫn học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh - Trang web bổ trợ: https://dangcongsan.vn https://www.tapchicongsan.org.vn/ 	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông
4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Sách tham khảo: Một số vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, 2019 - Tài liệu hướng dẫn học tập học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Trang web bổ trợ: tapchicongsan.org.vn, dangcongsan.org.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, 2021 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu Hướng dẫn học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Trang web bổ trợ: https://dangcongsan.vn https://www.tapchicongsan.org.vn/ 	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
6	Tiếng Anh 1	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Life (Pre-Intermediate) - Vietnam edition - 2nd edition - Life (Pre-Intermediate): Online workbook - Life (Pre-Intermediate): Student Resources - Life (Pre-Intermediate): Student Web App 	Life (Pre-Intermediate) - Vietnam edition - 2nd edition, National Graphic Learning	100%	Mạng máy tính và viễn thông
7	Tiếng Anh 2	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Life (Pre-Intermediate) - Vietnam edition - 2nd edition - Life (Pre-Intermediate): Online workbook - Life (Pre-Intermediate): Student Resources - Life (Pre-Intermediate): Student Web App 	Life (Pre-Intermediate) - Vietnam edition - 2nd edition, National Graphic Learning	100%	Mạng máy tính và viễn thông
8	Tiếng Anh 3	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Complete IELTS Bands 4-5 The Business - Intermediate Let's talk 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Complete IELTS Bands 4-5, Cambridge University Press - The Business - Intermediate, Macmillan - Let's talk 2, Cambridge University Press 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
9	Tin học quản lý	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Tin học Đại cương - Bài tập thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Tin học Đại cương - NXB Thống kê 	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ DTTX	Phương thức DTTX
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học liệu điện tử	<p>- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Tác giả: Nguyễn Đình Thọ. Nhà xuất bản lao động xã hội, năm 2011</p> <p>Link tài liệu: http://116.97.182.155:5552/pages/opac/wpid-detailbib-id-29243.html</p> <p>- Thiết kế nghiên cứu định tính. Tác giả: Catherine Marshall và Gretchen B.Rossmann</p> <p>Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011</p> <p>- Phần mềm phân tích dữ liệu: SPSS (ver 20 - 26)</p> <p>Link phần mềm: https://www.ibm.com/products/spss-statistics</p>	<p>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học - Tác giả: Đinh Văn Sơn, Vũ Mạnh Chiến. Nhà xuất bản thống kê, năm 2015</p> <p>Link tài liệu: http://116.97.182.155:5552/pages/opac/wpid-detailbib-id-37944.html</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông
11	Kinh tế vĩ mô 1	Học liệu điện tử	<p>Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text; Case study và hướng dẫn;</p>	<p>Giáo trình Kinh tế vĩ mô 1</p> <p>Nhà xuất bản Thống kê, 2019</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông
12	Kinh tế vi mô 1	Học liệu điện tử	<p>Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text; Case study và hướng dẫn;</p>	<p>Giáo trình Kinh tế vi mô 1</p> <p>Nhà xuất bản Thống kê, 2019</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
13	Logic học	Học liệu điện tử	Giáo trình logic học biện chứng, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. Logic học đại cương (Hướng dẫn học và ôn tập qua các câu hỏi tự luận và bài tập trắc nghiệm), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.	Giáo trình Logic học đại cương, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	100%	Mạng máy tính và viễn thông
14	Khởi sự kinh doanh	Học liệu điện tử	Cẩm nang hiểu biết về kinh doanh, Trần Văn Trang, 2017, NXB Thanh niên		100%	Mạng máy tính và viễn thông
15	Giáo dục thể chất chung	Học liệu điện tử	Slide bài giảng; Video bài giảng; Bài giảng text, Video bài tập TĐTK 32 động tác	Giáo trình Lý luận và phương pháp TĐTT -NXB Thể dục thể thao năm 2018 Điền Kinh - Nhà xuất bản TĐTT 2017	100%	Mạng máy tính và viễn thông
16	Cờ vua	Học liệu điện tử	Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi ôn tập kết thúc bài; Bài tập thực hành giải thế cờ,	Giáo trình Cờ vua - Nhà xuất bản TĐTT năm 2015	100%	Mạng máy tính và viễn thông
17	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Học liệu điện tử	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, 2010 Hiến pháp năm 2013	Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, NXB Hà Nội, 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
18	Luật dân sự 1	Học liệu điện tử	Bộ luật Dân sự 2015; Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text	Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 1, NXB Tư pháp, 2022	100%	Mạng máy tính và viễn thông
19	Luật dân sự 2	Học liệu điện tử	Bộ luật Dân sự 2015; Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text	Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 2, NXB Tư pháp, 2022	100%	Mạng máy tính và viễn thông
20	Luật hiến pháp	Học liệu điện tử	- Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, NXB Tư pháp, năm 2022 - Hiến pháp 2013 - Luật tổ chức Quốc hội sửa đổi bổ sung năm 2020 - Luật tổ chức Chính phủ sửa đổi bổ sung năm 2019 - Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014 - Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 - Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2019 - Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân 2015	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, NXB Tư pháp, năm 2022	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
21	Luật hành chính	Học liệu điện tử	-Hướng dẫn xử lý 550 hành vi thực trạng vi phạm pháp luật và mức xử phạt theo luật xử lý vi phạm hành chính mới nhất, Nxb Công an nhân dân, 2018 - Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên, về luật, Bộ Giáo dục và đào tạo, 2014	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, 2022	100%	Mạng máy tính và viễn thông
22	Tiếng Anh thương mại 1	Học liệu điện tử	- Bài giảng text - Case study - Bài tập	Giáo trình: Business Partner B1 : Student's book (2018), tác giả: Margaret O'keeffe, Lewis Lansford, Ros Wright, Evan Frenndo, Lizzie Wright. NXB Pearson Education Limited	100%	Mạng máy tính và viễn thông
23	Tiếng Anh thương mại 2	Học liệu điện tử	- Bài giảng text - Case study - Bài tập	Giáo trình: Business Partner B1 : Student's book (2018), tác giả: Margaret O'keeffe, Lewis Lansford, Ros Wright, Evan Frenndo, Lizzie Wright. NXB Pearson Education Limited	100%	Mạng máy tính và viễn thông
24	Quản trị học	Học liệu điện tử	Giáo trình Văn hóa kinh doanh Giáo trình Tâm lý quản trị kinh doanh		100%	Mạng máy tính và viễn thông
25	Quản trị nhân lực căn bản	Học liệu điện tử	Giáo trình Quản trị nhân lực căn bản	Giáo trình Quản trị nhân lực căn bản - NXB Thống kê	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
26	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Học liệu điện tử	Bộ luật Hồng Đức Bộ luật Gia Long Bộ luật Hammurabi Bộ luật La Mã	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, NXB Công an nhân dân, 2014 Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới, NXB Công an nhân dân, 2014	100%	Mạng máy tính và viễn thông
27	Luật hình sự	Học liệu điện tử	- Bộ luật Hình Sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) - Bộ luật Tố tụng Hình Sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) - Nghị Quyết số 41/2017/QH14 (Ngày 20/6/2017) về việc thi hành BLHS và BLTTHS, Luật Tố chức Cơ quan Điều tra Hình sự, Luật Thi hành Tạm giữ, Tạm giam. - Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text	- Giáo trình Luật Hình sự Việt nam (Phần chung), NXB Công An Nhân Dân (2017) (đã có tái bản và chỉnh sửa); - Giáo trình Luật Hình sự Việt nam (Phần Các tội phạm - Quyển I), NXB Công An Nhân Dân (2017) (đã có tái bản và chỉnh sửa)	100%	Mạng máy tính và viễn thông
28	Thương mại điện tử căn bản	Học liệu điện tử	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản http://www.moit.gov.vn ; http://www.gso.gov.vn ; http://www.wto.org ; Trường Đại học Thương mại. Báo cáo thường niên Kinh tế, thương mại Việt Nam (Annual Report)	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, Nguyễn Văn Minh (2011)	100%	Mạng máy tính và viễn thông
29	Kinh tế thương mại đại cương	Học liệu điện tử		Giáo trình Kinh tế thương mại đại cương. 2015. NXB Thống kê	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
30	Nhập môn Tài chính-tiền tệ	Học liệu điện tử	Frederic S.Mishkin (2016), The Economics of Money, Banking and Financial Markets, Addison Wesley; Nguyễn Văn Tiến (2019), Giáo trình Tài chính - tiền tệ - ngân hàng, NXB Thống kê; http://www.mof.gov.vn ; http://www.sbv.gov.vn	Vũ Xuân Dũng (2012), Giáo trình Nhập môn tài chính tiền tệ, NXB Thống kê	100%	Mạng máy tính và viễn thông
31	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Học liệu điện tử	1.Think Tank VINASA (2019), Việt Nam thời chuyển đổi số, NXB Thế giới 2.Roger, David L (2018), Cái tổ doanh nghiệp thời đại số, NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 3.Linsay Herbert (2020), Digital transformation – Build your organization’s future for the innovation age, Bloomsbury Publishing Plc. 4.David L. Rogers (2016), The digital transformation playbook, Columbia Business School Publishing. 5.Neil Perkin, Peter Abraham (2021), Building the agile business through digital transformation, Kogan Page.		100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
32	Luật kinh tế 1	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu học tập (bài giảng text, giáo trình, tài liệu tham khảo,...) - Giáo trình Luật kinh tế - Giáo trình Kinh tế thương mại đại cương 	Giáo trình Luật kinh tế, Trình Thị Sâm (chủ biên), NXB Thống kê 2008 Giáo trình Kinh tế thương mại đại cương, Hà Văn Sự (chủ biên), NXB Thống kê 2015,	100%	Mạng máy tính và viễn thông
33	Luật kinh tế 2	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại 2005, - Bộ luật Dân sự 2015, - Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, - Luật Trọng tài thương mại 2010, - Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 về hòa giải thương mại 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Luật Hợp Đồng, NXB DH Quốc Gia Hà Nội, năm 2013; - Giáo trình Luật thương mại Việt Nam, tập 1, NXB Tư pháp, năm 2017; - Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2, NXB Tư pháp, năm 2017 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
34	Pháp luật về đầu tư	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình pháp luật đầu tư, NXB chính trị quốc gia, năm 2017 - Luật đầu tư 2020. - Nghị định 31/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư. - Công ước Washington 1965. - Hiệp định CPTPP - Hiệp định EVFTA 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình luật đầu tư, NXB thống kê, năm 2020; - Giáo trình Pháp luật đầu tư, NXB Lao động, năm 2019. 	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
35	Luật sở hữu trí tuệ	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ 16/9/2009, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Bộ luật Dân sự 2015 	Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, NXB Hồng Đức, năm 2016	100%	Mạng máy tính và viễn thông
36	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Bộ luật Lao động 2019 Nghị định 145/2020/NĐ-CP Luật Bảo hiểm xã hội 2014 Luật Bảo hiểm y tế 2008, sửa đổi 2014 Luật Việc làm 2014 Pháp lệnh 02/2021/UBTVQH14 Nghị định 20/2021/NĐ-CP 	Giáo trình Luật Lao động tập 1, NXB Công an nhân dân 2021 Giáo trình Luật An sinh xã hội, NXB Công an nhân dân 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông
37	Pháp luật tài chính và ngân hàng	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Ngân sách Nhà nước 2015 - Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013 - Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013 - Luật Thuế xuất, thuế nhập khẩu 2016 - Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi 2008; sửa đổi, bổ sung năm 2014 - Luật Quản lý thuế 2019 - Luật Ngân hàng nhà nước 2010 - Luật các tổ chức tín dụng 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Luật Ngân sách nhà nước, NXB Công an nhân dân năm 2017; - Giáo trình Luật thuế Việt Nam, NXB Công an nhân dân năm 2017; - Giáo trình Luật ngân hàng, NXB Công an nhân dân năm 2017 	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ DTTX	Phương thức DTTX
38	Luật thương mại quốc tế	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự 2015 - Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 - Các hiệp định của WTO (GATT, GATS, TRIPs, ...) - Luật Thương mại 2005 - Luật Trọng tài thương mại 2010 - Incoterms - Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 	Giáo trình Luật thương mại quốc tế, NXB thống kê, năm 2016	100%	Mạng máy tính và viễn thông
39	Pháp luật môi trường – đất đai	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai 2013 - Luật bảo vệ môi trường 2020 - Bộ luật dân sự 2015 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 - Bộ luật hình sự 2015 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Luật Môi trường, NXB Công an nhân dân, năm 2017; - Giáo trình Luật đất đai, NXB Hồng Đức, năm 2013 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
40	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình luật cạnh tranh, NXB công an nhân dân, năm 2016 - Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, NXB công an nhân dân, năm 2016 - Luật cạnh tranh 2018 - Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 	Giáo trình Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, NXB Thống kê, năm 2020	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
41	Luật tố tụng dân sự	Học liệu điện tử	<p>Nguyễn Thanh Hải, cảm nang nghiệp vụ dành cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư (trong lĩnh vực dân sự và tố tụng dân sự) (2020); Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015</p> <p>Luật Tố chức Tòa án nhân dân 2014</p> <p>Luật Tố chức Viện kiểm sát nhân dân 2014</p> <p>Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text</p>	<p>Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội, xuất bản năm 2021, NXB Công an nhân dân.</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông
42	Thị trường chứng khoán	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng text - Case study - Slide bài giảng - Giáo trình 		100%	Mạng máy tính và viễn thông
43	Luật chứng khoán	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 2010. - Luật Doanh nghiệp 2020 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 - Luật Trọng tài thương mại 2010 	<p>Giáo trình Pháp luật về thị trường chứng khoán, NXB Đại học quốc gia, năm 2017</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông
44	Quản trị công ty	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu học tập (Bài giảng text, Giáo trình, Tài liệu tham khảo,...) - Giáo trình Quản trị công ty 	<p>Giáo trình Quản trị công ty, NXB Hà Nội, 2022</p>	100%	Mạng máy tính và viễn thông

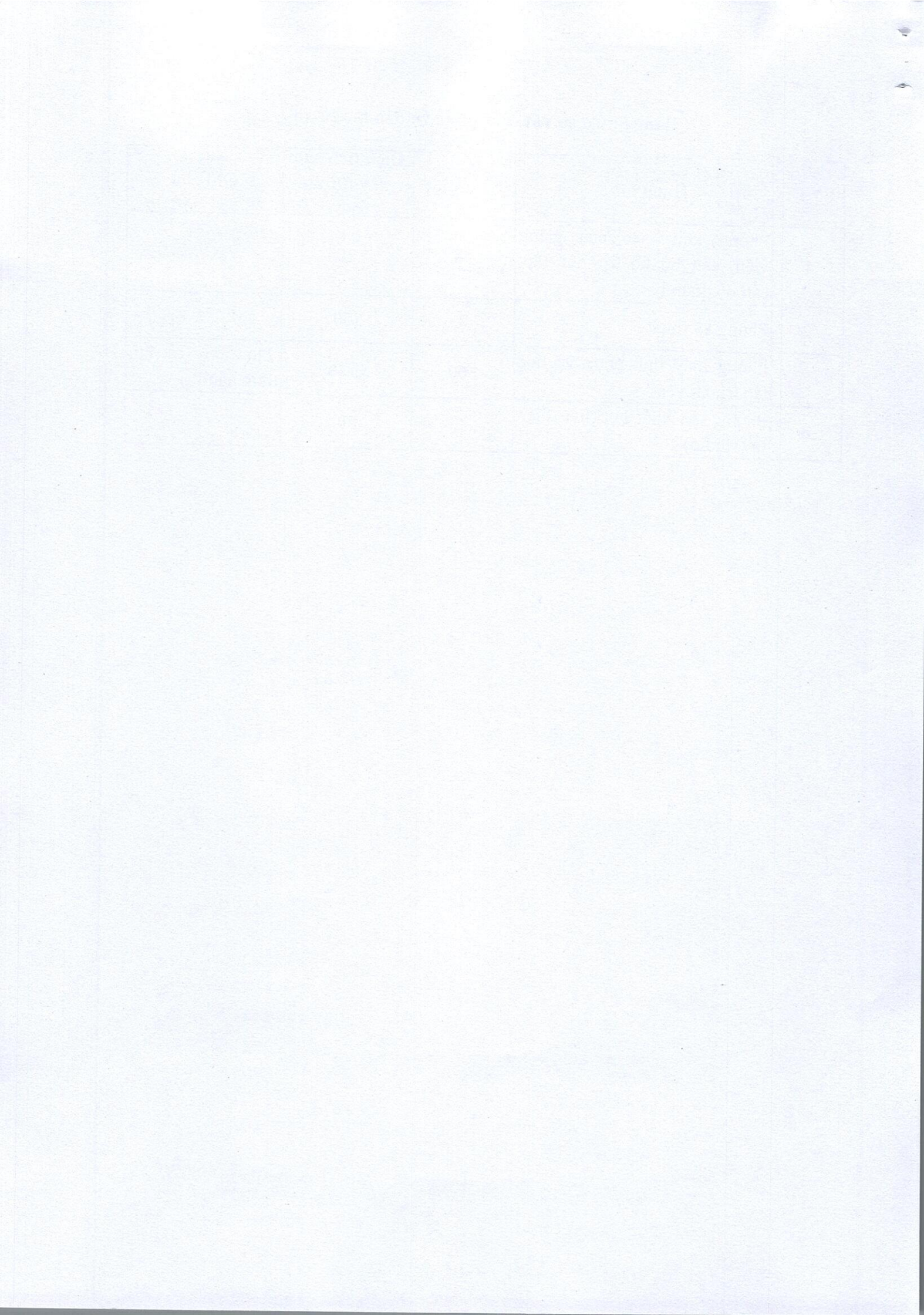
STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
45	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng text - Case study - Slide bài giảng - Giáo trình 	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế - 2008- Nhà xuất bản thống kê	100%	Mạng máy tính và viễn thông
46	Luật thương mại điện tử	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao dịch điện tử 2005 - Bộ luật Dân sự 2015 - Luật Thương mại 2005 - Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 - Luật Trọng tài Thương mại 2010 - Luật An toàn thông tin mạng 2015 	<ul style="list-style-type: none"> - Paul Todd (2005), E-Commerce Law, University of Wales Swansea, Cavendish Publishing Limited; - Alan Davidson (2009), The Law of Electronic Commerce, University of Queensland 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
47	Quản trị rủi ro	Học liệu điện tử	Giáo trình Quản trị học	Giáo trình Quản trị rủi ro NXB Hà Nội -2017	100%	Mạng máy tính và viễn thông
48	Quản trị chuỗi cung ứng	Học liệu điện tử	Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Bài giảng text từng chương	Giáo trình Quản trị Chuỗi cung ứng- NXB Thống kê 2021 Quản trị cung ứng- NXB Tổng hợp Tp.HCM -2011 Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng- NXB Tổng Hợp- 2010	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
49	Pháp luật hợp đồng	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự 2015 - Luật Thương Mại 2005 - Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2010 - Luật Kinh doanh Bất động sản 2014 - Luật Nhà ở 2014 - Luật Chuyển giao Công nghệ 2006 - Luật Cảnh tranh 2018 - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 - Slide bài giảng; Video bài giảng; - Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; - Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng; Bài giảng text 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1), NXB Công An Nhân Dân (2017) (đã có tái bản và chỉnh sửa); - Giáo trình Luật Dân sự Việt nam (Tập 2), NXB Công An Nhân Dân (2017) (đã có tái bản và chỉnh sửa); 	100%	Mạng máy tính và viễn thông
50	Nguyên lý quản lý kinh tế	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text; Case study và hướng dẫn 	Giáo trình Nguyên lý Quản lý kinh tế, NXB Hà Nội, 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông
51	Kiểm toán căn bản	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Giáo trình Kiểm toán căn bản Sách bài tập Kiểm toán căn bản 	Giáo trình Kiểm toán căn bản NXB Thống kê, 2016	100%	Mạng máy tính và viễn thông
52	Thống kê kinh doanh	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Tập bài giảng text; Case study và hướng dẫn 		100%	Mạng máy tính và viễn thông
53	Kinh doanh quốc tế	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Bài giảng text từng chương 	Giáo trình KDQT, NXB Hà Nội, 2021	100%	Mạng máy tính và viễn thông

STT	Tên học phần	Học liệu chính	Học liệu bổ trợ	Giáo trình, Nhà xuất bản	Tỷ lệ ĐTTX	Phương thức ĐTTX
54	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	Học liệu điện tử	Slide bài giảng; Video bài giảng; Câu hỏi trắc nghiệm từng chương; Câu hỏi ôn tập kết thúc chương; Bài giảng text từng chương		100%	Mạng máy tính và viễn thông
55	Thanh toán điện tử	Học liệu điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng text - Case study - Slide bài giảng - Giáo trình 	Giáo trình Thanh toán điện tử, Nguyễn Trần Hưng (2022), NXB Thống kê, Hà Nội	100%	Mạng máy tính và viễn thông

Bảng 5: Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo từ xa

Số TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Phòng làm việc của giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý	96	6.104	
2	Phòng kỹ thuật	8	200	
3	Phòng máy tính phục vụ học tập trực tuyến	360	1726	Phục vụ cả thi, thực hành...
4	Phòng sản xuất học liệu điện tử (studio)	1	50	



Bảng 6: Trang thiết bị phục vụ đào tạo từ xa

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/mô-đun học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
Số TT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9
1	Máy tính Dell Vostro 3670 I3 9100,ram 8GB,SSD 128GB	2019,2020 Trung Quốc	70	Dùng chung	Tất cả các HP		1người/máy	Mục đích sử dụng học tập, thực hành, thi trắc
2	Máy tính để bàn HP 280 Pro G6 Microtower, Core i3-10105(3.70 GHz,6MB),8GB RAM,256GB SSD,DVDRW,Intel Graphics,Wlan ac+BT,USB Keyboard & Mouse,Win 11 Home 64,1Y WTY_60P78PA	2023 Trung Quốc	40	Dùng chung	Tất cả các HP		1người/máy	
3	Máy tính đồng bộ HP Prodesk 400 G6 MT, CPU Intel Core I3-9100,HDD 500GB SATA 3.5inch,Ram DDR4 4GB,Keyboard, Mouse,Gigabit Ethernet, HDMI, VGA, Win DOS , DVDRW	2020 Trung Quốc	80	Dùng chung	Tất cả các HP		1người/máy	
4	Máy tính đồng bộ Dell Vostro 3681CPU Intel Core I3-10100,HDD 1TB SATA 3.5inch,Ram DDR4 4GB,Keyboard, Mouse,Gigabit Ethernet, HDMI, VGA, Win DOS, DVDRW, Windows 10 home,	2021 Trung Quốc	20	Dùng chung	Tất cả các HP		1người/máy	
5	Máy HP 280 Pro G6 Microtower, Core i5-10400(2.90 GHz,12MB),4GB RAM,256GB SSD,DVDRW,Intel Graphics,Wlan ac+BT,USB Keyboard , Màn hình vi tính HP P19v G4 Monitor,3Y WTY_9TY84AA	2021 Trung Quốc	60	Dùng chung	Tất cả các HP		1người/máy	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/mô n học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
Số TT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
6	Máy tính đồng bộ HP Prodesk 400 G6 MT, CPU Intel Core I3-9100, HDD 500GB SATA 3.5inch, Ram DDR4 4GB, Keyboard, Mouse, Gigabit Ethernet, HDMI, VGA, Win DOS, DVDRW	2021	30	Dùng chung	Tất cả các HP		Người/máy	
7	Máy tính thành giống:	2019	60	Dùng chung	Tất cả các HP		Người/máy	
	Intel H81 G3260 3.3GHZ, ram DDR3 2GB Buss 1600Mhz, HDD 250GB, Monitor Led 20 inch, Keyboard, Mouse USB,	Việt Nam						
8	Máy chiếu Ben QMS550	2018, 2019,	115	Dùng chung	Tất cả các HP			Trình chiếu, giảng dạy
		2021						
		Trung Quốc						
9	Camera, tai nghe	2018, 2020,	200	Dùng chung	Tất cả các HP			Học, Thi
		20, 21, 22,						
		Trung Quốc						
10	Máy chủ HP, Dell các loại	Trung Quốc	11	Dùng chung	Tất cả các HP			

Bảng 7: Danh mục phần mềm phục vụ đào tạo từ xa

Số TT	Tên phần mềm	Đơn vị sản xuất/cung cấp phần mềm	Chức năng chính	Học phần
1	Phần mềm quản lý học tập – LMS OnS	Công ty CP Công nghệ Giáo dục Trường học trực tuyến	Quản lý học trực tuyến	Tất cả các học phần
2	Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính	Đại học Thương mại	Quản lý và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính	
3	Microsoft-Teams	Microsoft	Họp trực tuyến	
4	TranS	Công ty TNHH công nghệ và dịch vụ viễn thông Nam Việt	Họp trực tuyến	
5	Google Classroom	Google	Hỗ trợ thu nộp bài thi	



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

